

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN QUANG TRUNG

**PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP
THEO LUẬT PHÁ SẢN 2014**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: **TS. ĐẶNG VŨ HUÂN**

Hà Nội - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

NGUYỄN QUANG TRUNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN.....	6
1.1. Khái quát về việc phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	6
1.2. Phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của pháp luật phá sản.....	14
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN THEO LUẬT PHÁ SẢN NĂM 2014	23
2.1. Thực trạng các quy định pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản năm 2014.....	23
2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản năm 2014.....	39
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN Ở VIỆT NAM.....	46
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam.....	46
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam	52
KẾT LUẬN	62
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	64

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Song hành với quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường, tình trạng phá sản của các doanh nghiệp là hậu quả không thể tránh khỏi của quá trình cạnh tranh gay gắt. Với nhiều lý do, doanh nghiệp có thể lâm vào tình trạng không còn khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, các khoản lương của công nhân trong nhiều tháng liền và đứng trước nguy cơ phá sản. Việc giải quyết hậu quả đó không phải là vấn đề riêng của một cơ quan, tổ chức, mà là nhiệm vụ của nhiều chủ thể liên quan và xảy ra ở bất kỳ quốc gia nào. Chế định phá sản nhằm mục tiêu bảo vệ và gìn giữ một môi trường kinh doanh lành mạnh cho các chủ thể kinh doanh, tạo điều kiện cho những doanh nghiệp thua lỗ, không có khả năng thanh toán phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc có thể rút khỏi thị trường một cách hợp pháp.

Pháp luật phá sản trên thế giới được xây dựng theo hai hướng khác nhau. Xu hướng thứ nhất là tập trung vào chủ thể không có khả năng thanh toán nợ đến hạn, tức là việc cứu các doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng khó khăn về tài chính, bảo đảm việc làm cho người lao động thông qua việc phục hồi doanh nghiệp. Xu thế thứ hai là hướng vào bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ. Trong điều kiện kinh tế hiện nay, pháp luật phá sản thế giới có xu hướng kết hợp cả hai mục tiêu này, tức là pháp luật phá sản không những bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp của chủ nợ mà quyền lợi của con nợ cũng được đảm bảo một cách tối ưu. Vì vậy, nhiều quốc gia trên thế giới đang tiến hành cải cách pháp luật phá sản theo hướng không chỉ nhằm tạo ra một quy trình để doanh nghiệp con nợ thực hiện an toàn việc phá sản, mà bên cạnh đó, cũng quy định những trình tự, thủ tục hợp pháp nhằm cứu vãn các doanh nghiệp đang đứng bên bờ phá sản có khả năng phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Không nằm ngoài thông lệ chung đó, pháp luật phá sản Việt Nam đã có những sửa đổi, bổ sung để theo kịp yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường. Trình tự, thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là một bộ phận quan trọng của trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp được quy định trong Luật Phá sản 2014. Việc phục hồi doanh nghiệp tạo ra những cơ hội, điều kiện để những doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản có thể vượt qua tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, tránh bị tuyên bố phá sản. Bên cạnh đó, nếu doanh nghiệp được phục hồi sẽ đảm bảo lợi ích của chủ nợ và những người có liên quan, đảm bảo việc làm cho người lao động, duy trì trật tự xã hội, làm lành mạnh hóa môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở các phân tích ở trên, với mong muốn tìm hiểu rõ hơn về trình tự, thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản và góp phần nhỏ bé vào việc nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật của phương thức này, nên em đã mạnh dạn lựa chọn đề tài: ***“Phục hồi doanh nghiệp theo Luật Phá sản 2014”*** để làm Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Luật Kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Luật Phá sản 2014 được thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 19/6/2014, có hiệu lực ngày 01/01/2015 thay thế Luật Phá sản 2004. Có thể nói, trong bối cảnh hiện nay, việc ban hành Luật Phá sản 2014 là rất kịp thời và có ý nghĩa quan trọng khi Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện Đề án tổng thể tái cấu trúc nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các loại hình doanh nghiệp.

Trong các công trình nghiên cứu về pháp luật phá sản thời gian qua, đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến phục hồi hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản như:

- Bùi Thị Dung Huyền (2010), *“Tìm hiểu các quy định của Luật Phá sản năm 2004 về thủ tục phục hồi, thủ tục thanh lý, tuyên bố doanh nghiệp*

hợp tác xã bị phá sản và một số kiến nghị”, chuyên đề khoa học xét xử, Viện Khoa học xét xử Tòa án nhân dân tối cao.

- Nguyễn Thị Hường (2005), *“Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2004”*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà nội;

- Trần Minh Tiến, (2007), *“Thủ tục phục hồi doanh nghiệp mắc nợ trong Luật Phá sản Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Đinh Thị Thanh Nga, (2007), *“Bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp lâm vào tình trạng bị phá sản”*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm hiện tại có rất ít các công trình nghiên cứu liên quan đến phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2014. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản 2004 đã có những công trình nghiên cứu, phân tích, đánh giá liên quan đến phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản như các bài viết: *“Phục hồi doanh nghiệp phá sản, một mục tiêu lớn trong vấn đề lập pháp đối với pháp luật phá sản hiện đại”* của tác giả Dương Hương Sơn, được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1642; *“Tìm hiểu Luật Phá sản một số nước trên thế giới”* được đăng tải trên Trang điện tử http://vietrustlaw.com.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=635:tim-hieu-phap-luat-pha-san-tren-the-gioi...

Những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã được công bố trên đây sẽ là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị trong quá trình nghiên cứu để tác giả hoàn thiện luận văn của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nhằm nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật phá sản về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, từ đó, đề xuất định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

3.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu*

Với mục đích nghiên cứu ở trên, nhiệm vụ của luận văn được xác định là:

- Làm rõ những vấn đề lý luận pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản;
- Khái quát và đánh giá những quy định của pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2014;
- Đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam trong thời gian tới

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. *Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là các vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản; hệ thống pháp luật về phá sản Việt Nam hiện hành và thực tiễn thực hiện.

4.2. *Phạm vi nghiên cứu*

Phạm vi nghiên cứu của Luận văn tập trung chủ yếu vào các quy định của pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2014, đồng thời, để làm rõ nội dung nghiên cứu, Luận văn có tham khảo kinh nghiệm pháp luật các nước về vấn đề này.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu để thực hiện luận văn này bao gồm: phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, so sánh và đánh giá...

- Bằng các phương pháp nghiên cứu này, luận văn trước hết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để nghiên cứu những vấn đề lý luận của pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Chương 1.

- Luận văn cũng vận dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để đánh giá thực trạng pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, chỉ ra những vướng mắc, hạn chế trong quá trình thực hiện pháp luật tại Chương 2.

- Đối với Chương 3, Luận văn sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, đánh giá kết hợp với phương pháp dự báo để đưa ra những định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình chuyên khảo nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về pháp luật phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam theo Luật Phá sản 2014.

Kết quả nghiên cứu của luận văn hàm chứa nhiều thông tin pháp lý có giá trị tham khảo tốt đối với hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập cũng như hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp nói riêng và pháp luật phá sản nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận của pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Chương 2: Thực trạng pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản năm 2014

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN

1.1. Khái quát về việc phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

1.1.1.1. Khái niệm phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Phục hồi là gì? Theo Từ điển Tiếng Việt thì phục hồi có nghĩa là khôi phục cái đã mất hoặc giảm sút đi.

Thủ tục phục hồi mặc dù có nhiều tên gọi khác nhau như sự quản lý ở Anh và các nước thuộc khối thịnh vượng chung (Canada, Úc); chế độ người quản lý Mỹ (năm 1898); thủ tục hòa giải và tổ chức lại (chỉnh lý, chỉnh đốn) như ở Mỹ (Luật Phá sản sửa đổi năm 1874), Trung Quốc (1986); thủ tục phục hồi như ở Mỹ (1978), Pháp (từ 1967), Trung Quốc (2007), song các thủ tục đều thể hiện một mục tiêu đó chính là áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện cho con nợ trong tình trạng phá sản được “hồi sinh” [15].

Thủ tục phục hồi trước hết là một giải pháp nhằm cứu vãn con nợ lâm vào tình trạng phá sản (mất khả năng thanh toán) tránh bị phá sản, bên cạnh đó nó còn là giải pháp trong việc bảo hộ đối với lợi ích của chủ nợ (chủ nợ có thể thu hồi được toàn bộ nợ nếu phục hồi thành công). Trong giải pháp này, được cụ thể bằng nhiều biện pháp nhằm tổ chức lại hoạt động của doanh nghiệp con nợ lâm vào tình trạng phá sản. Đi liền với quy định về thủ tục phục hồi, các quy định về các biện pháp là không thể thiếu. Những biện pháp này tùy theo tình hình thực tiễn kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia để tạo nên sự hợp lý, có tính khả thi.

Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật về phá sản ở Việt Nam vẫn chưa xây dựng khái niệm phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Để hiểu rõ khái niệm phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản chúng ta có thể tham khảo những khái niệm của các tác giả trong và ngoài nước trong các công trình khoa học. Có ý kiến cho rằng “phục hồi được hiểu là đem lại cho con nợ đang trong tình trạng khó khăn những điều kiện và cơ hội tiếp tục kinh doanh chứ không phải là thanh toán con nợ đó” [2]. Từ cách hiểu đó, khái niệm phục hồi doanh nghiệp được thể hiện qua các nội dung sau:

- Đối tượng áp dụng của thủ tục là những doanh nghiệp con nợ nằm trong tình trạng khó khăn về mặt tài chính;
- Trong tiến trình phục hồi không có sự thanh lý tài sản của doanh nghiệp con nợ;
- Mục đích của việc phục hồi là nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp con nợ được tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Theo Giáo sư Luật học Gérard Cornu, Trường Đại học Tổng hợp Monpeillier trong cuốn Từ điển Luật học do Nhà xuất bản Association Henri Capitant (Cộng hoà Pháp) xuất bản năm 2000 đã định nghĩa: “Phục hồi doanh nghiệp mắc nợ trên phương diện pháp lý là một thủ tục được mở cho mọi doanh nghiệp của luật tư nằm trong tình trạng ngừng thanh toán các khoản nợ nhằm cho phép cứu vãn doanh nghiệp, duy trì hoạt động của các doanh nghiệp và việc làm cũng như hoàn trả các khoản nợ”. Như vậy, với định nghĩa này, Giáo sư Gérard Cornu cũng chỉ ra cho chúng ta thấy những đặc trưng cơ bản của phục hồi doanh nghiệp: (i) Phục hồi doanh nghiệp là một thủ tục luật định; (ii) Đối tượng áp dụng là những doanh nghiệp ngừng thanh toán các khoản nợ đến hạn; (iii) Mục đích của việc phục hồi là cứu vãn, duy trì hoạt động của doanh nghiệp và hoàn trả các khoản nợ.

Trong hoạt động kinh doanh, một doanh nghiệp vừa là con nợ, vừa là chủ nợ là điều hết sức bình thường. Chỉ khi doanh nghiệp không còn khả năng

thanh toán các khoản nợ đến hạn thì lúc đó doanh nghiệp sẽ trở thành con nợ và lâm vào tình trạng phá sản. Tình trạng phá sản có thể xuất hiện bởi các yếu tố khách quan như thiên tai, dịch họa..., nhưng thông thường vẫn là trong quá trình kinh doanh. Lãnh đạo doanh nghiệp ở trong hoàn cảnh mất khả năng thanh toán họ sẽ sử dụng những biện pháp cần thiết để có thể thoát khỏi hoàn cảnh này như: vay vốn tín dụng, xin hoãn nợ, kêu gọi đầu tư, cắt giảm nhân sự, tái cơ cấu.... nhằm cứu vãn doanh nghiệp ra khỏi tình trạng ngày một xấu. Đây là những biện pháp của chính doanh nghiệp chứ chưa được coi là thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Như vậy, phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được hiểu thông qua các dấu hiệu pháp lý chủ yếu, đó là: (i) Phải thông qua một thủ tục luật định do Tòa án tiến hành; (ii) Đối tượng áp dụng của phục hồi là những doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ đến hạn; (iii) Trong quá trình tiến hành phục hồi không có sự thanh lý tài sản của con nợ; (iv) Mục đích của việc phục hồi là nhằm cứu vãn, duy trì hoạt động của doanh nghiệp và hoàn trả cho các chủ nợ. Từ những phân tích và căn cứ vào quy định của pháp luật phá sản Việt Nam, có thể đưa ra khái niệm về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản như sau:

Phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là một thủ tục do Tòa án có thẩm quyền áp dụng trong thời hạn nhất định dưới sự giám sát của hội nghị chủ nợ, sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản và sự đồng ý của hội nghị chủ nợ, nhằm giúp doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ được phép áp dụng các biện pháp cần thiết phục hồi hoạt động kinh doanh, thanh toán được các khoản nợ đến hạn. Hết thời hạn phục hồi, nếu doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc đã thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh do hội nghị chủ nợ thông qua nhưng vẫn không thanh toán được các khoản nợ thì Tòa án mở thủ tục thanh lý tài sản [11].

1.1.1.2. Đặc điểm của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Thứ nhất, phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là thủ tục được điều hành bởi Tòa án. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản với tư cách là một chế định trong Luật Phá sản do Nhà nước ban hành là một thủ tục chính thức. Pháp luật tất cả các quốc gia đều giống nhau khi quy định tòa án có thẩm quyền ra quyết định áp dụng các thủ tục phục hồi và đảm bảo các quyết định đó được thực hiện trên thực tế.

Thứ hai, đối tượng áp dụng của thủ tục phục hồi là các doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ đến hạn. Mất khả năng thanh toán nghĩa là doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Thứ ba, doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản phải có khả năng phục hồi. Khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ đến hạn là lúc doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính, để đưa doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng đó, thủ tục phục hồi có ý nghĩa rất quan trọng, nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng có đủ khả năng phục hồi. Pháp luật về phá sản của hầu hết các quốc gia trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam đều tạo cơ hội cho con nợ thực hiện việc tổ chức lại, phục hồi kinh doanh.

Tuy nhiên, đối với những con nợ chắc chắn không còn khả năng phục hồi thì pháp luật sẽ tạo điều kiện thuận lợi để việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp phá sản được thực hiện trong thời gian sớm nhất. Việc đánh giá khả năng phục hồi của doanh nghiệp có ý nghĩa quyết định đến việc áp dụng thủ tục phục hồi.

Trên thực tế đó là công việc rất khó khăn của những người cầm cân nảy mực. Để đánh giá một cách chính xác tình hình kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp đòi hỏi sự hiểu biết, nhạy cảm cũng như sự công tâm của các thẩm phán và sự trung thực, hợp tác của các doanh nghiệp.

Thứ tư, không có sự phân chia tài sản của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trong quá trình áp dụng thủ tục phục hồi. Đây là đặc điểm quan trọng để phân biệt thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh và thủ tục thanh lý tài sản.

Trong thủ tục thanh lý tài sản, sau khi có quyết định thanh lý doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ tiến hành phân chia tài sản còn lại của doanh nghiệp mắc nợ cho các chủ nợ tương ứng với phân quyền tài sản của họ. Trong khi đó, đối với thủ tục phục hồi, nếu nhưng phương án phục hồi được chấp nhận thì sẽ không có sự phân chia tài sản còn lại của doanh nghiệp.

Thứ năm, thủ tục phục hồi doanh nghiệp chỉ được áp dụng khi có sự đồng ý của hội nghị chủ nợ. Việc áp dụng hay không áp dụng thủ tục phục hồi thuộc thẩm quyền của hội nghị chủ nợ. Tại hội nghị chủ nợ lần thứ nhất, vấn đề này được đưa ra thảo luận và quyết định. Trong trường hợp áp dụng thủ tục phục hồi với doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, thì việc chấp nhận phương án phục hồi của hội nghị chủ nợ sẽ là căn cứ để mở thủ tục phục hồi.

Thứ sáu, hệ quả của việc thực hiện thành công phương án phục hồi là doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn và trở về hoạt động bình thường.

Việc áp dụng thành công mang lại nhiều ý nghĩa kinh tế, xã hội quan trọng, nó cứu vãn được một doanh nghiệp, tránh được sự chấm dứt một doanh nghiệp, đảm bảo việc làm cho người lao động.

1.1.2. Vai trò và ý nghĩa của việc phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Thứ nhất, phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là công cụ để bảo vệ một cách hiệu quả nhất quyền và lợi ích của các chủ nợ

Với một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước nền kinh tế thị trường đã hình thành và phát triển ở nước ta rất phong

phú, đa dạng với nhiều loại hình doanh nghiệp. Tuy nhiên do sự tác động của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật cung cầu,... trong nền kinh tế nước ta cũng đã nảy sinh nhiều hiện tượng hay quan hệ kinh tế vốn không tồn tại trong cơ chế kế hoạch hóa. Một trong những hiện tượng đó là sự phá sản của các doanh nghiệp. Khi một doanh nghiệp bị phá sản sẽ kéo theo những hậu quả nhất định như sự xáo trộn trong nền sản xuất, ảnh hưởng đến công ăn, việc làm của người lao động, đến lợi ích chung của Nhà nước và xã hội. Do đó, để đảm bảo, duy trì mối quan hệ hài hòa giữa những lợi ích nêu trên, đòi hỏi chúng ta phải có một cơ chế pháp lý thống nhất và chặt chẽ.

Pháp luật phá sản nói chung và thủ tục phục hồi doanh nghiệp nói riêng ra đời là bộ phận cấu thành không thể thiếu của pháp luật kinh doanh để giải quyết mối quan hệ nợ nần trong hoàn cảnh đặc biệt, khi mà doanh nghiệp lâm vào tình trạng khánh kiệt tài chính không thể phục hồi. Khi một nhà đầu tư cho các doanh nghiệp vay vốn, họ có hai phương pháp để đòi nợ: (i) Đòi nợ bằng phương pháp thông thường, thông qua việc đưa đơn kiện ra Tòa án, Trọng tài thương mại hoặc (ii) Đòi nợ bằng một cơ chế đặc biệt - thông qua thủ tục phá sản. Pháp luật phá sản với cơ chế thủ tục phá sản được biết đến như một thủ tục đòi nợ tập thể, trong đó vấn đề trọng tâm là bảo vệ và đảm bảo công bằng cho các chủ nợ.

Vai trò của pháp luật phá sản nhìn từ góc độ lợi ích của chủ nợ thể hiện: *Một là*, pháp luật phá sản quy định quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của chủ nợ với thủ tục đơn giản, thuận tiện cho các chủ nợ. *Hai là*, pháp luật phá sản quy định nhiều biện pháp bảo toàn tài sản của con nợ, mở rộng khả năng thu hồi nợ của các chủ nợ. Từ cổ xưa, pháp luật phá sản đã xác định việc bảo toàn tối đa tài sản của con nợ nhằm bảo vệ lợi ích tài sản của các chủ nợ như là nhiệm vụ trung tâm của thủ tục phá sản. Do đó, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư tự tin hơn trong quá trình cho vay và đòi nợ. Pháp

luật phá sản với cơ chế thủ tục phá sản được biết đến như một thủ tục đòi nợ tập thể, trong đó vấn đề trọng tâm là bảo vệ và đảm bảo công bằng cho các chủ nợ.

Bản chất của thủ tục phá sản là các chủ nợ thông qua việc yêu cầu Tòa án tuyên bố con nợ bị phá sản để thu hồi vốn của mình. Cơ hội đòi nợ thông qua thủ tục phá sản càng cao thì thủ tục đó càng hấp dẫn các chủ nợ, vì vậy cho nên thủ tục phá sản nhanh chóng trở thành một công cụ hiệu quả bảo vệ lợi ích các chủ nợ, mở rộng khả năng đòi nợ của các chủ nợ. Khi một doanh nghiệp đã lâm vào hoàn cảnh khó khăn, đứng trước nguy cơ bị phá sản thì những người ảnh hưởng đầu tiên đó là các chủ nợ. Cho dù tiến hành thủ tục phá sản cũng khó có thể bảo vệ lợi ích trọn vẹn của các chủ nợ được. Vì vậy, không chỉ riêng doanh nghiệp mà các chủ nợ cũng là những người muốn tiến hành thủ tục phục hồi doanh nghiệp.

***Thứ hai,** phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là nhằm giúp bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản*

Khi mới xuất hiện, pháp luật phá sản không đặt ra vấn đề bảo vệ con nợ. Lúc đó, người ta cho rằng, phá sản là một tội phạm và người gây ra sự phá sản là một phạm nhân, do đó, họ không những không được bảo vệ mà còn bị trừng phạt bằng nhiều hình thức, kể cả việc tử hình. Ngày nay, quan niệm về việc kinh doanh đã được thay đổi, do đó, cách ứng xử của Nhà nước và pháp luật đối với con nợ lâm vào tình trạng phá sản cũng đã được thiết kế theo hướng tích cực, có lợi cho con nợ. Hoạt động kinh doanh là một hoạt động chứa đựng nhiều rủi ro. Do sự biến động khó lường của thị trường và các yếu tố khách quan khác nên tình trạng kinh doanh thua lỗ, không trả được nợ đến hạn đều có thể xảy ra bất cứ lúc nào đối với bất kỳ nhà kinh doanh nào. Mặt khác, một doanh nghiệp bị phá sản thì có thể kéo theo nhiều hậu quả xấu đối với xã hội, mà trước hết là đối với người lao động và các chủ nợ. Chính vì vậy mà ngày nay, khi các doanh nghiệp bị lâm vào tình trạng phá sản thì vấn

đề đầu tiên Nhà nước quan tâm giải quyết không phải là việc tuyên bố doanh nghiệp phá sản ngay và phân chia tài sản của nó cho các chủ nợ, mà là việc phải tìm mọi cách để giúp đỡ doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng khó khăn này. Điều đó giải thích tại sao, pháp luật của đa số các nước đều quy định nhiều hình thức phục hồi khác nhau để doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản lựa chọn, áp dụng.

Thứ ba, phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản giúp bảo vệ lợi ích của người lao động

Phá sản không chỉ gây ra hậu quả xấu cho các chủ nợ, con nợ mà còn cho cả người lao động. Điều này trước hết thể hiện ở chỗ, chính vì có phá sản mà người lao động phải mất việc làm, lâm vào tình cảnh thất nghiệp. Do vậy, muốn bảo vệ người lao động, trước hết là phải làm sao để doanh nghiệp không bị phá sản. Cơ chế phục hồi doanh nghiệp được pháp luật đề ra chính là để thực hiện chủ trương này vì trên thực tế, cứu được doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng phá sản cũng chính là cứu được người lao động thoát khỏi tình trạng thất nghiệp. Nhưng mặt khác, khi người lao động làm việc mà không được trả đủ lương trong một thời gian dài thì Nhà nước cũng cần phải tạo ra một phương thức nào đó để họ có thể đòi được số tiền lương mà doanh nghiệp nợ. Để thực hiện được mục tiêu này, pháp luật phá sản phải quy định cho họ một số quyền như quyền được nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, quyền được tham gia quá trình giải quyết vụ việc phá sản, quyền được ưu tiên thanh toán nợ lương và các khoản tiền hợp pháp khác mà họ được hưởng trước các khoản nợ thông thường của doanh nghiệp [7].

Thứ tư, phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Theo lẽ thường, khi mà con nợ có quá nhiều chủ nợ nhưng lại có quá ít tài sản để thanh toán nợ thì việc các chủ nợ tranh giành nhau tài sản của con nợ là điều rất có thể xảy ra. Nếu cứ để các chủ nợ “mạnh ai nấy làm”, tùy

ngiht “xiết nợ”, tự do tước đoạt tài sản của con nợ một cách vô tổ chức, không công bằng thì trật tự, an toàn xã hội sẽ không được bảo đảm. Vì vậy, Nhà nước nào cũng cần phải có biện pháp để can thiệp vào việc đòi nợ này nhằm tránh được các hệ quả tiêu cực như vừa nêu trên. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp chính là một giải pháp hợp lý giúp giải quyết những vấn đề trước mắt.

Thứ năm, phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản góp phần làm lành mạnh hoá nền kinh tế

Việc áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản sẽ góp phần tạo nên một môi trường kinh doanh lành mạnh và an toàn, tránh được những ảnh hưởng xấu, tác động dây chuyền do hậu quả của phá sản gây ra. Một doanh nghiệp làm ăn thua lỗ dẫn đến phá sản sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định của môi trường kinh doanh sản xuất.

Bởi lẽ, trong quá trình hoạt động một doanh nghiệp phải có những hoạt động liên quan đến các doanh nghiệp khác. Vì vậy, một doanh nghiệp nếu phá sản sẽ kéo theo những doanh nghiệp bạn hàng, đối tác chịu sự tác động nhất định về tài chính, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ. Đối với những doanh nghiệp này, việc phá sản của một doanh nghiệp có thể gây ra phản ứng dây chuyền, gây nên sự đổ vỡ của hàng loạt các doanh nghiệp hoạt động cùng loại. Điều này sẽ gây ra ảnh hưởng nặng nề đối với sự phát triển của nền kinh tế nói riêng và sự ổn định xã hội nói chung.

1.2. Phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của pháp luật pháp sản

1.2.1. Ý nghĩa của điều chỉnh pháp luật đối với việc phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Mục tiêu “hướng vào con nợ” hiện nay là xu thế của luật phá sản hiện đại, nhiều nước với quan điểm rất rõ ràng, phá sản có nghĩa là “phục hồi”, chứ không theo cách nghĩ truyền thống là “thanh lý”. Tuy vậy, việc thể hiện mục tiêu này trong luật ở mức độ nào là tùy theo quan điểm lập pháp của mỗi quốc

gia, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội của quốc gia đó. Hiện nay nhiều nước đang xây dựng các quy định của luật phá sản theo xu hướng này, tất nhiên vẫn có những ngoại lệ nhất định (ví dụ như Luật Phá sản của Estonia các quy định của luật thiên về thủ tục thanh lý, chủ yếu bảo vệ lợi ích cho chủ nợ, đây là một đạo Luật được đánh giá là có những thành công trong điều chỉnh các quan hệ phá sản). Ở Việt Nam, chúng ta xây dựng Luật Phá sản trên cơ sở kết hợp hài hòa các lợi ích, muốn đạt được mục tiêu này không thể không chú ý đến mục tiêu “hướng vào con nợ” và thể hiện rõ mục tiêu này trong Luật, trên cơ sở học tập kinh nghiệm và tiến bộ mà thế giới đã đạt được trong lĩnh vực này.

Có thể nói, điều chỉnh pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản có ý nghĩa quan trọng trong thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế thị trường với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, không một nhà doanh nghiệp chân chính nào muốn doanh nghiệp của mình đi đến bước đường cùng là phá sản. Khi bước chân vào thương trường, mỗi doanh nghiệp cũng đã lường trước những thách thức khó khăn mà nền kinh tế đặt ra cho họ và họ chấp nhận, chấp nhận cả rủi ro. Chính vì vậy, khi doanh nghiệp gặp khó khăn, họ sẽ tìm mọi cách để cứu vãn doanh nghiệp như tái cơ cấu, cắt giảm nhân sự, kêu gọi đầu tư, gia hạn nợ... Trước hoàn cảnh đó, pháp luật cũng đã đưa ra những chính sách để tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán. Liệu rằng, các chủ thể nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có thực sự mong muốn doanh nghiệp đó bị phá sản hay không?

- **Về phía chủ nợ**, khi có khoản nợ đến hạn đã yêu cầu mà không được thanh toán, theo quy định của pháp luật phá sản họ được quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản để thu lại khoản nợ của doanh nghiệp mắc nợ, làm rõ mọi quá trình và phương thức kinh doanh của doanh nghiệp mắc nợ, giúp doanh nghiệp mắc nợ hiểu rõ được tình trạng và khả năng thực của họ để có

những có những biện pháp hữu hiệu, tổng thể hơn để phục hồi buộc tất cả các chủ nợ cùng chung sức giúp doanh nghiệp thoát được cảnh mất khả năng thanh toán. Nếu doanh nghiệp phá sản, chủ nợ sẽ lấy được quyền và lợi ích của mình từ doanh nghiệp mắc nợ, nhưng quyền và lợi ích đó không được vẹn toàn. Nếu doanh nghiệp phục hồi thành công chủ nợ sẽ được đảm bảo lợi ích nhiều hơn.

- **Về phía chủ nợ**, quá trình kinh doanh gây ra thua lỗ kéo dài, mặc dù đã áp dụng những biện pháp như hoãn nợ, thay đổi cơ cấu,... nhất là thương lượng với các chủ nợ nhưng không nhận được sự nhất trí từ phía các chủ nợ. Họ muốn thông qua Tòa án, nhờ sự can thiệp của pháp luật tạo cho họ một diễn đàn tin tưởng, có thể tìm được tiếng nói chung giữa chủ nợ và các doanh nghiệp mắc nợ.

- **Về phía người lao động**, không ai đang làm việc mà muốn bị mất việc do doanh nghiệp phá sản. Họ cũng vì lợi ích của bản thân nên họ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với mong muốn là được trả lương, muốn biết tình hình thực của nơi họ đang làm việc.

Không phải tất cả doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản đều không còn cách cứu vãn và không thể hồi sinh. Kinh doanh thua lỗ có nhiều nguyên nhân, có thể do năng lực quản lý còn yếu kém, tổ chức doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, dây chuyền sản xuất không đáp ứng yêu cầu, thiên tai, lũ lụt,...hay do thay đổi chính sách của quốc gia. Cứu doanh nghiệp không chỉ là cứu lãnh đạo doanh nghiệp mà còn cứu cả người lao động, cả chủ nợ và cả nền kinh tế. Việc áp dụng thành công thủ tục phục hồi mang lại nhiều ý nghĩa kinh tế, xã hội quan trọng. Nó có thể cứu vãn được một doanh nghiệp, tránh được thủ tục xóa sổ một doanh nghiệp. Áp dụng thành công thủ tục phục hồi có nghĩa là doanh nghiệp đang mất khả năng thanh toán sẽ trở lại hoạt động bình thường. Chính vì thế, ý nghĩa của việc điều chỉnh pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là vô cùng cần thiết và quan trọng.

1.2.2. Quy trình phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Thủ tục phục hồi doanh nghiệp ở các nước tùy vào điều kiện và văn hóa mà có những quy định khác nhau, tuy nhiên cần khẳng định, thủ tục phục hồi trước hết nó là một giải pháp nhằm cứu vãn doanh nghiệp con nợ lâm vào tình trạng phá sản (mất khả năng thanh toán) tránh bị phá sản, bên cạnh đó, nó còn là giải pháp trong việc bảo hộ đối với lợi ích của chủ nợ (chủ nợ có thể thu hồi được toàn bộ nợ nếu phục hồi thành công). Tìm hiểu pháp luật phục hồi doanh nghiệp một số nước trên thế giới sẽ thấy nhiều điểm tương đồng và khác biệt với pháp luật phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam.

1.2.2.1. Pháp luật về phục hồi doanh nghiệp ở Nhật bản

Do hoàn cảnh lịch sử nên hệ thống pháp luật của Nhật Bản không được quy định trong một văn bản duy nhất mà được quy định trong nhiều Bộ luật, Luật khác nhau và được ban hành tại nhiều thời điểm khác nhau như: Luật Phá sản, Bộ Luật thương mại, Bộ luật về phục hồi dân sự, Luật về Tổ chức lại công ty,... Thủ tục phục hồi doanh nghiệp theo pháp luật Nhật Bản bao gồm 3 phần: Tổ chức lại công ty; Phục hồi dân sự; Sắp xếp công ty.

- *Tổ chức lại công ty*: Thủ tục này chỉ áp dụng cho những công ty lớn, công ty tài chính, bảo hiểm, ngân hàng. Mục tiêu của thủ tục này là bảo tồn giá trị của công ty với tư cách là một thực thể hoạt động và vẫn đảm bảo các quyền của các bên liên quan. Theo thủ tục này, hoạt động của công ty được quản lý và giám sát, các quyền của chủ nợ và doanh nghiệp mắc nợ được cân nhắc, điều chỉnh, các hoạt động kinh doanh được tiếp tục. Khi công ty mắc nợ nộp đơn xin tái thiết công ty, danh sách chủ nợ, bản trình bày khả năng tái thiết công ty. Tòa án sẽ xem xét trong một tuần, nếu thấy đầy đủ theo quy định thì tòa án sẽ thụ lý đơn, ra lệnh bảo toàn tài sản và chỉ định người quản lý tài sản. Trong thời hạn một năm kể từ ngày Tòa án mở thủ tục tái thiết công ty, phương án tái thiết công ty phải được hoàn thành và nếu chưa được hoàn

thành thì sẽ được gia hạn thêm một năm nữa. Phương án này do hội nghị chủ nợ có bảo đảm và hội nghị chủ nợ không có bảo đảm thông qua. Khi phương án tái thiết được thông qua thì công ty coi như hoạt động bình thường trở lại. Luật sư được chỉ định là người quản lý tài sản ở lại công ty với vai trò người tư vấn giám sát hoạt động công ty. Nếu thấy phương án tái thiết đã được thực hiện từ 70 – 80% thì Tòa án sẽ chấm dứt vai trò giám sát của họ.

- *Thủ tục phục hồi dân sự*: Cũng như thủ tục tổ chức lại công ty, thủ tục phục hồi dân sự cũng nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp mắc nợ tiếp tục kinh doanh, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp mắc nợ phục hồi kinh tế sau khi gặp khó khăn về tài chính chứ không phải thanh toán nó. Theo thủ tục này, doanh nghiệp chỉ cần đang ở tình trạng có khả năng sẽ không thể thanh toán nợ đến hạn là được quyền nộp đơn xin phục hồi dân sự. Tuy nhiên, nếu thủ tục tổ chức lại công ty chỉ áp dụng cho những công ty lớn thì thủ tục phục hồi dân sự được áp dụng cho cả cá nhân kinh doanh và pháp nhân vừa và nhỏ. Pháp nhân không chỉ bao gồm các công ty kinh doanh mà còn bao gồm cả những pháp nhân công ích như trường học, bệnh viện,... Khi doanh nghiệp mắc nợ nộp đơn xin phục hồi dân sự. Tòa án sẽ tiến hành thụ lý đơn ngay. Ngay sau đó, Tòa án sẽ chỉ định người giám sát tài sản và ra lệnh bảo toàn tài sản. Trong vòng từ hai tuần đến một tháng, người giám sát tài sản điều tra để xác định doanh nghiệp mắc nợ có còn khả năng kinh doanh hay không. Tòa án sẽ ra quyết định mở thủ tục phục hồi dân sự trên cơ sở báo cáo này. Ở thủ tục phục hồi dân sự, trong vòng ba tháng kể từ ngày Tòa án quyết định mở thủ tục, doanh nghiệp mắc nợ phải nộp phương án phục hồi, có thể gia hạn hai lần, mỗi lần một tháng. Nếu sau hai lần gia hạn vẫn không có phương án phục hồi thì Tòa án ra quyết định phá sản.

- *Thủ tục sắp xếp công ty*: Thủ tục này về bản chất cũng là thủ tục phục hồi công ty nhưng được giải quyết ngoài Tòa án. Thủ tục này tiết kiệm thời gian và chi phí tổ tụng nên cũng được nhiều công ty áp dụng. Đặc điểm căn

bản của thủ tục này là phương án sắp xếp lại công ty cần phải được chủ nợ thông qua. Doanh nghiệp mắc nợ sẽ phải gặp từ chủ nợ để thương lượng, thỏa thuận việc sắp xếp lại công ty (hoãn nợ, giảm nợ, cắt giảm nhân sự,...). Trong lĩnh vực này pháp luật quy định có sự can thiệp của tòa án đối với những chủ nợ có bảo đảm nếu muốn bán tài sản thế chấp thì Tòa án sẽ ra lệnh ngăn chặn. Tuy nhiên, sự can thiệp của Tòa án là rất hạn chế. [3]

1.2.2.2. Pháp luật về phục hồi doanh nghiệp ở Liên Bang Nga

Phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Liên Bang Nga được quy định trong Luật Phá sản năm 1992. Chủ nợ, doanh nghiệp mắc nợ và chủ sở hữu doanh nghiệp mắc nợ có thể nộp đơn yêu cầu phục hồi doanh nghiệp đó đến Tòa án trọng tài, nếu thấy có đủ điều kiện thanh toán các khoản nợ từ phía doanh nghiệp mắc nợ thì có thể áp dụng thủ tục phục hồi. Khi đó sẽ có sự giúp đỡ về mặt tài chính từ phía chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc từ những người khác.

Nếu trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận được lá đơn thứ nhất, Tòa án trọng tài nhận được đơn thứ hai yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với chính doanh nghiệp đó thì sẽ không được áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp.

Nếu chấp nhận phục hồi doanh nghiệp mắc nợ thì theo yêu cầu của chủ nợ, doanh nghiệp mắc nợ, Tòa án trọng tài tuyên bố tổ chức cuộc thi chọn người tham gia phục hồi doanh nghiệp. Quá thời hạn dự kiến mà không ai đăng ký tham gia cuộc thi chọn người phục hồi doanh nghiệp thì Tòa án trọng tài sẽ ra một trong những quyết định sau:

- Công nhận doanh nghiệp bị phá sản và tiến hành thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp;

- Bác đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản vì doanh nghiệp có khả năng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp chủ nợ và có khả năng thanh toán các khoản nợ.

Nếu có đủ người thì những người tham gia phục hồi doanh nghiệp sẽ có cuộc họp để đưa ra thỏa hiệp. Bản thỏa hiệp không được đưa ra yêu cầu buộc doanh nghiệp mắc nợ chuyển giao tài sản cho người tham gia phục hồi. Những người tham gia phục hồi phải cộng đồng trách nhiệm với doanh nghiệp bị áp dụng các biện pháp phục hồi.

Tuỳ tình hình cụ thể mà doanh nghiệp mắc nợ, chủ nợ, chủ sở hữu doanh nghiệp mắc nợ có quyền làm đơn yêu cầu Toà án trọng tài ra một trong những quyết định: Công nhận doanh nghiệp đã được phục hồi và đình chỉ thủ tục phá sản; chấm dứt phục hồi và tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản.[3]

Có thể nói phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá là một thủ tục đặc biệt. Tính chất đặc biệt của thủ tục phục hồi được thể hiện ở những điểm sau:

- Là một thủ tục được áp dụng nhằm cứu vãn doanh nghiệp bị mắc nợ, cứu vãn một doanh nghiệp đã lâm vào tình trạng phá sản, tức là tình trạng không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu. Tòa án ra quyết định phục hồi doanh nghiệp khi doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố phá sản và tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp đó.

- Quá trình áp dụng thủ tục phục hồi sẽ không có sự phân chia tài sản của doanh nghiệp mắc nợ. Tài sản còn lại của doanh nghiệp này được giữ nguyên và còn được bổ sung, đầu tư thêm cho các hoạt động kinh doanh. Các khoản nợ phải trả sẽ tạm ngừng thanh toán, các khoản nợ phải thu sẽ được khuyến khích thu về tập trung nguồn lực cho doanh nghiệp.

- Hoạt động của doanh nghiệp mắc nợ vẫn được duy trì và còn được khuyến khích ưu tiên, tăng cường và được đặt dưới sự giám sát của tòa án, của đại diện chủ nợ.

- Khi áp dụng thủ tục phục hồi, chủ nợ và con nợ được thỏa thuận với nhau, đưa ra các phương án, biện pháp thực hiện phương án phục hồi dưới sự

giám sát, cho phép của Tòa án. Các chủ nợ theo quy định của pháp luật, dù muốn hay không muốn cũng phải chấp nhận, chịu thiệt thòi.

1.2.2.3. Quy trình phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của Luật Phá sản Việt Nam năm 2014

Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở nước ta được quy định từ Luật Phá sản năm 2004 đến Luật Phá sản năm 2014 được chia làm các giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Nộp đơn và ra quyết định mở thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Thẩm quyền ra quyết định áp dụng thủ tục phục hồi là tòa án nhân dân. Đối với tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các vụ việc đối với doanh nghiệp có trụ sở chính tại quận, huyện, thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh đó. Trong trường hợp vụ việc có tính chất phức tạp sẽ được tòa án nhân dân cấp tỉnh lấy lên để giải quyết.

Giai đoạn 2: Giai đoạn giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

- Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là nghĩa vụ của các chủ thể nhận nghĩa vụ phục hồi hoạt động kinh doanh và các chủ nợ.

- Thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Giai đoạn 3: Giai đoạn thực hiện phương án phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

- Thời gian thực hiện;
- Sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;
- Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Giai đoạn 4: Đình chỉ thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Kết luận Chương 1

Luật Phá sản nói chung và pháp luật về phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng còn là những vấn đề mới mẻ, chưa được người dân tiếp cận nhiều. Chính vì thế khái niệm phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản chưa xuất hiện ở bất kì văn bản quy phạm pháp luật về phá sản nào ở Việt Nam. Việc nghiên cứu để đưa ra khái niệm phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản rất quan trọng, để có thể phân biệt rõ với khái niệm phục hồi doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp hay tổ chức lại doanh nghiệp.

Chương 1 của luận văn tập trung khai thác những vấn đề lý luận của pháp luật phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. So sánh quy trình phục hồi của một số nước trên thế giới với quy trình phục hồi doanh nghiệp theo Luật Phá sản 2014 để chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt. Bên cạnh đó chương 1 cũng chỉ ra vai trò của thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh là công cụ để bảo vệ lợi ích của chủ nợ, của con nợ cũng như lợi ích của người lao động và làm lành mạnh hóa nền kinh tế, đời sống xã hội. Và chỉ ra những đặc điểm pháp lý vốn có của thủ tục này.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN THEO LUẬT PHÁ SẢN NĂM 2014

2.1. Thực trạng các quy định pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo pháp luật phá sản năm 2014

2.1.1. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2014

Không phải doanh nghiệp nào cũng có thể áp dụng thủ tục phục hồi. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được quy định tại Điều 92 Luật Phá sản 2014: “Thẩm phán ra quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Nghị quyết này có hiệu lực đối với tất cả người tham gia thủ tục phá sản có liên quan. Kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thì những điều cấm, chịu sự giám sát đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại Điều 48 và Điều 49 của Luật này chấm dứt;

Tòa án nhân dân gửi quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, chủ nợ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định”.

Thứ nhất, thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản chỉ được áp dụng sau khi thẩm phán ra quyết định công nhận nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cũng như Luật Phá sản 2004, Luật Phá sản 2014 quy định vai trò của Tòa án và thẩm phán có vị trí rất quan trọng trong mọi giai đoạn của tố tụng phá sản nói chung và giai đoạn phục hồi doanh nghiệp nói riêng. Việc phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là việc làm giúp ổn định

nền kinh tế, bảo vệ lợi ích trọn vẹn cho chủ nợ và người lao động. Việc quy định vị trí quan trọng của tòa án từ việc thụ lý đơn phá sản cho đến khi các doanh nghiệp, các chủ nợ và các bên liên quan giải quyết xong là hoàn toàn hợp lý.

Việc áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản không phải doanh nghiệp nào cũng đủ điều kiện. Tòa án sau khi mở thủ tục phá sản sẽ xem xét vấn đề tài chính, quy hoạch, định hướng của các doanh nghiệp cũng như số tài sản còn lại. Đối với những doanh nghiệp không có khả năng phục hồi thẩm phán sẽ ra quyết định thanh lý tài sản. Thẩm phán sẽ ra quyết định công nhận nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua việc phục hồi hoạt động kinh doanh sau khi nghiên cứu phương án xây dựng lại hoạt động kinh doanh và kế hoạch của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ hai, nghị quyết hội nghị chủ nợ thông qua việc phục hồi doanh nghiệp. Theo quy định của khoản 1 Điều 83 Luật Phá sản 2014: “Hội nghị chủ nợ có quyền đưa ra Nghị quyết trong đó có một trong các kết luận sau:

- a) Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 86 của Luật này;
- b) Đề nghị áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã;
- c) Đề nghị tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã”.

Chủ thể có quyền quyết định áp dụng phục hồi doanh nghiệp là các chủ nợ. Các chủ nợ là những người bị ảnh hưởng đến quyền lợi nhiều nhất khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Chính vì thế, không phải chủ doanh nghiệp, tòa án mà là các chủ nợ mới có thẩm quyền áp dụng thủ tục phục hồi. Các chủ nợ là những người có thể đánh giá chính xác nhất năng lực tài chính, khả năng phục hồi của doanh nghiệp cũng như là những người công tâm nhất để có thể giúp doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng khó khăn.

2.1.2. Trình tự, thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2014

2.1.2.1. Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Sau khi nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản thì doanh nghiệp mất khả năng thanh toán phải xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh theo khoản 1 Điều 87 Luật Phá sản 2014: “Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội nghị chủ nợ thông qua nghị quyết có nội dung áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh thì doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và gửi cho Thẩm phán, chủ nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cho ý kiến”.

Việc xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh là nghĩa vụ của doanh nghiệp và là quyền của các chủ thể nhận nghĩa vụ phục hồi hoạt động kinh doanh và các chủ nợ. Việc xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh là sứ mạng sống còn của doanh nghiệp nếu muốn phục hồi, nên đòi hỏi ý kiến của nhiều chủ thể khác nhau để hạn chế thấp nhất sự sai sót của doanh nghiệp.

Nội dung phương án phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được quy định rõ tại Điều 88 Luật Phá sản 2014: “Phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải nêu rõ các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh; các điều kiện, thời hạn và kế hoạch thanh toán các khoản nợ.

Các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh gồm:

- a) Huy động vốn;
- b) Giảm nợ, miễn nợ, hoãn nợ;
- c) Thay đổi mặt hàng sản xuất, kinh doanh;
- d) Đổi mới công nghệ sản xuất;

đ) Tổ chức lại bộ máy quản lý, sáp nhập hoặc chia tách bộ phận sản xuất;

e) Bán cổ phần cho chủ nợ và những người khác;

g) Bán hoặc cho thuê tài sản;

h) Các biện pháp khác không trái quy định của pháp luật”.

Nội dung của phương án phục hồi doanh nghiệp rất đa dạng, ngoài việc quy định nội dung của phương án phục hồi phải nêu rõ các biện pháp phục hồi, các điều kiện, thời hạn, thanh toán các khoản nợ, Luật Phá sản còn đề xuất các biện pháp phục hồi hoạt động như huy động vốn, giảm nợ, miễn nợ, hoãn nợ, thay đổi mặt hàng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ sản xuất, tổ chức lại bộ máy quản lý, bán cổ phần cho chủ nợ, bán hoặc cho thuê tài sản. So với Luật Phá sản 2004, biện pháp phục hồi doanh nghiệp của Luật Phá sản 2014 có bổ sung thêm biện pháp giảm nợ, miễn nợ, hoãn nợ. Đây là một sự bổ sung hợp lý theo kinh tế thị trường, một doanh nghiệp có thể không xoay vòng kịp vốn nên có thể đứng trước nguy cơ phá sản, việc miễn hoặc hoãn nợ là cơ hội tốt để doanh nghiệp phục hồi.

Việc lựa chọn các giải pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản phải dựa vào tình hình kinh tế cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này có thể áp dụng biện pháp này, nhưng không thể áp dụng cùng một biện pháp cho những doanh nghiệp hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau. Vì thế, trong nội dung của phương án phục hồi hoạt động kinh doanh có thể có một số hoặc cũng có thể không có phương án nào được quy định trong khoản 2 Điều 88 Luật Phá sản 2014. Những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh sẽ có những cân nhắc, tính toán sao cho phù hợp nhất. Ở mỗi biện pháp phục hồi lại có những đặc điểm khác nhau:

- Huy động vốn: là việc tiếp nhận các nguồn vốn từ các tổ chức cá nhân bằng các hình thức khác nhau để hình thành nên nguồn vốn của mình. Đây là biện pháp linh hoạt từ vay vốn, kêu gọi đầu tư từ các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước. Có thể đây sẽ là cơ hội để những nhà đầu tư nước ngoài có ý định đầu tư vào Việt Nam tham gia. Đây cũng là thách thức mà doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản phải chấp nhận.

- Giảm nợ, miễn nợ, hoãn nợ: đây là những biện pháp mang tính trực tiếp và khả thi nhất trong hoàn cảnh doanh nghiệp mất khả năng thanh toán. Biện pháp này phụ thuộc nhiều vào các chủ nợ.

- Thay đổi mặt hàng sản xuất, kinh doanh: xã hội phát triển từng ngày, từng giờ, việc thay đổi nhu cầu và thị yếu của người tiêu dùng là vấn đề quan trọng của mỗi doanh nghiệp. Đặc biệt là những doanh nghiệp trong lĩnh vực thời trang, may mặc, đồ ăn, nước giải khát. Việc thay đổi mặt hàng sản xuất, kinh doanh có hạn chế là sẽ kéo theo thay đổi cả dây chuyền, thậm chí là đồng bộ doanh nghiệp, từ máy móc sản xuất, chiến lược kinh doanh cho đến cả cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp để đáp ứng mặt hàng thay đổi.

- Đổi mới công nghệ sản xuất: là việc thay thế một phần chính hay toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng một công nghệ khác tiến tiến hơn, hiệu quả hơn. Đổi mới công nghệ có thể tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của quá trình sản xuất hoặc có thể nhằm tạo ra một sản phẩm, dịch vụ mới phục vụ thị trường. Bên cạnh đó, đổi mới công nghệ còn tiết kiệm được thời gian, nhân lực và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường.

- Tổ chức lại bộ máy quản lý, sáp nhập hoặc chia tách bộ phận sản xuất. Có thể nói tổ chức lại bộ máy quản lý, sáp nhập hoặc chia tách bộ phận sản xuất khác hẳn với tái cấu trúc doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp. Biện pháp này mang tính máy móc và không có hiệu quả rõ rệt khi doanh nghiệp đang đứng trên bờ vực phá sản.

- Bán cổ phần cho chủ nợ và những người khác. Trên nguyên tắc, việc bán cổ phần không phải hình thức huy động vốn mới, mà chỉ là việc chuyển nhượng cổ phần, chuyển chủ sở hữu đối với những cổ phiếu của công ty. Kết quả của việc bán lại cổ phần có thể làm tăng vốn của công ty đối với việc bán cho những người khác và giảm những khoản nợ của công ty đối với việc bán cho chủ nợ vì chủ nợ đã trở thành cổ đông. Việc bán cổ phần phải tuân thủ quy định của luật doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng và bán phần vốn góp, chuyển nhượng và bán cổ phần là hoạt động bình thường của doanh nghiệp nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

- Bán hoặc cho thuê tài sản: là biện pháp sử dụng tài sản của chính doanh nghiệp bằng việc bán hoặc cho thuê để tăng nguồn vốn cần thiết.

2.1.2.2. Thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Hiện nay xu hướng chung của pháp luật phá sản thế giới là trao quyền thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho các chủ nợ. Sau khi các chủ nợ thông qua phương án phục hồi thì Tòa án có thẩm quyền xác nhận việc thông qua phương án phục hồi đó.

Có thể nói, chủ nợ là chủ thể duy nhất có quyền quyết định việc thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Quy định này của pháp luật phá sản một lần nữa khẳng định vị trí quan trọng của các chủ nợ trong hoạt động phục hồi doanh nghiệp. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều 91 Luật Phá sản 2014:

“Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định đưa phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán ra Hội nghị chủ nợ, Thẩm phán triệu tập Hội nghị chủ nợ để xem xét, thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Hội nghị chủ nợ được tiến hành như sau:

a) Thẩm phán được phân công phụ trách khai mạc Hội nghị chủ nợ;

b) Hội nghị chủ nợ biểu quyết thông qua việc cử Thư ký Hội nghị chủ nợ theo đề xuất của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để ghi biên bản Hội nghị chủ nợ;

c) Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia Hội nghị chủ nợ theo thông báo triệu tập của Tòa án nhân dân, lý do vắng mặt và kiểm tra căn cước của người tham gia Hội nghị chủ nợ;

d) Thẩm phán thông báo với Hội nghị chủ nợ về những người tham gia Hội nghị chủ nợ;

đ) Đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã trình bày phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

e) Người tham gia Hội nghị chủ nợ trình bày ý kiến của mình về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

g) Hội nghị chủ nợ thảo luận và biểu quyết thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Hội nghị chủ nợ được hoãn một lần trong trường hợp không đáp ứng điều kiện hợp lệ. Việc tổ chức lại Hội nghị chủ nợ được thực hiện theo quy định tại Điều 90 và Điều 91 của Luật Phá sản.

Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành. Trường hợp phương án phục hồi hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản bảo đảm thì phải quy định rõ thời gian sử dụng tài sản có bảo đảm, phương án xử lý tài sản bảo đảm và phải được chủ nợ có bảo đảm bằng tài sản đó đồng ý. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các chủ nợ.

Trường hợp không tổ chức lại được Hội nghị chủ nợ hoặc Hội nghị chủ nợ không thông qua được Nghị quyết theo khoản 5 Điều này thì Tòa án nhân dân tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản”.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định đưa phương án phục hồi hoạt động kinh doanh ra chủ nợ, thì thẩm phán triệu tập hội nghị chủ nợ để xem xét, thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Hội nghị chủ nợ được tiến hành theo trình tự được quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Phá sản 2014.

Với quy định của pháp luật phá sản, trình tự, thủ tục thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh gồm những nội dung sau:

Thứ nhất, chủ thể thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh là Hội nghị chủ nợ. Hội nghị chủ nợ là tổ chức có quyền cao nhất của chủ nợ có thẩm quyền quyết định những vấn đề quan trọng trong quá trình áp dụng thủ tục phục hồi nói chung và thông qua phương án phục hồi nói riêng. Quyền quyết định đó được thể hiện ở việc chấp nhận hoặc không chấp nhận phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được trình đề hội nghị chủ nợ thông qua. Quyết định đó không những có ý nghĩa với các chủ nợ, mà còn có ý nghĩa quyết định số phận của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Nếu phương án phục hồi được hội nghị chủ nợ thông qua, thì doanh nghiệp sẽ tiến hành áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh nhằm cứu vãn doanh nghiệp trước nguy cơ phá sản. Còn nếu phương án phục hồi không được hội nghị chủ nợ thông qua, thì thẩm phán sẽ ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản.

Việc thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh phải là ý chí của một hay một số chủ nợ mà là ý kiến thống nhất sau khi thảo luận của tất cả mọi người trong hội nghị chủ nợ. Việc phương án phục hồi được thông qua hay không cũng một phần do nội dung của phương án đó có khả thi và phù

hợp với điều kiện của doanh nghiệp cũng như phù hợp với nền kinh tế thị trường hay không.

Thứ hai, thể thức thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Theo quy định của pháp luật phá sản, việc thông qua bất kỳ nội dung nào trong quá trình áp dụng thủ tục phục hồi tại hội nghị chủ nợ đều được thể hiện bằng hình thức biểu quyết. Theo quy định của Luật Phá sản 2014, tất cả các chủ nợ đều có quyền tham gia và hội nghị chủ nợ, nhưng tại hội nghị chủ nợ, không phải chủ nợ nào cũng được quyền biểu quyết thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Chỉ những chủ nợ không có bảo đảm mới có quyền biểu quyết thông qua phương án phục hồi doanh nghiệp. Trường hợp phương án phục hồi hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản bảo đảm thì phải quy định rõ thời gian sử dụng tài sản có bảo đảm, phương án xử lý tài sản bảo đảm và phải được chủ nợ có bảo đảm bằng tài sản đó đồng ý.

Thứ ba, điều kiện thông qua phương án phục hồi kinh doanh của doanh nghiệp. Quy định của Luật Phá sản 2014, nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành. Như vậy, tại hội nghị chủ nợ, bất kỳ chủ nợ nào cũng được tham gia thảo luận, có ý kiến song việc thông qua hay không phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc vào ý chí của nhóm chủ nợ không có bảo đảm.

Luật Phá sản đề cao vai trò của nhóm chủ nợ không có bảo đảm trong việc thông qua phương án phục hồi doanh nghiệp là nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của nhóm chủ nợ có thể gặp nhiều rủi ro so với nhóm chủ nợ có bảo đảm. Nghị quyết của hội nghị chủ nợ về thông qua hay không thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh có giá trị ràng buộc lên tất cả các chủ nợ. Luật Phá sản 2014 cũng đã chú trọng hơn đến nội dung của hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi doanh nghiệp khi đã quy định rõ các

bước và trình tự tiến hành trong khoản 2 Điều 91 Luật này. Bên cạnh đó, luật cũng quy định hậu quả pháp lý của việc không tổ chức lại được hội nghị chủ nợ hoặc hội nghị chủ nợ không thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh thì Tòa án sẽ tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản.

2.1.2.3. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của Luật Phá sản 2014 cũng giống Luật Phá sản 2004 tối đa là 3 năm, theo Điều 89 Luật Phá sản 2014 thì: “Thời hạn để thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán theo Nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Trường hợp hội nghị chủ nợ không xác định được thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh là không quá 03 năm kể từ ngày hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh”.

Trên thực tế, việc phục hồi doanh nghiệp còn phải dựa vào quy mô, ngành nghề, số lượng lao động cũng như số nợ của từng doanh nghiệp. Việc xem xét để ra thời hạn phục hồi là tương đối phức tạp. Ví dụ ở các doanh nghiệp liên quan đến tài chính, họ cần nhiều thời gian để phục hồi hơn vì là ngành nhạy cảm. Tâm lý chung của tất cả các doanh nghiệp khi xây dựng phương án phục hồi đều muốn kéo dài thời gian để thực hiện, một mặt, vừa là để ổn định lại doanh nghiệp, một mặt, thực hiện hợp lý phương án hoạt động được đưa ra. Mặt khác, tâm lý của các chủ nợ lại muốn nhanh chóng thu lại quyền lợi của mình. Chính vì thế, trong nhiều nghị quyết của hội nghị chủ nợ không xác định thời hạn phục hồi. Việc không quy định thời gian tối thiểu để phục hồi hoạt động kinh doanh cũng là cánh cửa được mở ra cho các doanh nghiệp khi áp dụng phương án phục hồi. Sẽ có những doanh nghiệp sử dụng

hợp lý các biện pháp phục hồi phù hợp với hoàn cảnh kinh tế để phục hồi nhanh. Việc ra hạn tối đa còn là việc quản lý các doanh nghiệp khi áp dụng thủ tục phục hồi, khi đã áp dụng tất cả các biện pháp có thể để phục hồi mà doanh nghiệp vẫn không thể cứu vãn thì doanh nghiệp đó cũng nên chấm dứt hoạt động, tuyên bố phá sản để hạn chế những thất thoát cho nền kinh tế nói riêng và xã hội nói chung.

Trước đây, Luật Doanh nghiệp 1993 quy định thời hạn phục hồi tối đa là không quá 02 năm, nhưng cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường các nhà làm luật đã tăng tối đa lên làm 03 năm để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

2.1.2.4. Sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Trong quá trình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, khó có thể tránh khỏi sự khó khăn do nhiều yếu tố mang lại. Có thể do bản thân doanh nghiệp, cũng có thể do các yếu tố khách quan khác. Nếu doanh nghiệp không tự khắc phục được những khó khăn thì các chủ nợ và doanh nghiệp có quyền thỏa thuận về sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều 94 Luật Phá sản 2014: “Trong quá trình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, các chủ nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được chấp nhận khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành.

Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi văn bản đề nghị Thẩm phán ra quyết định công nhận sự thỏa thuận về sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Quyết định công nhận sự thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được gửi cho doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và chủ nợ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định”.

Trong quá trình thực hiện phương án phục hồi kinh doanh, pháp luật phá sản tạo điều kiện cho chủ nợ và con nợ thỏa thuận ý chí trong việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Thỏa thuận việc sửa đổi, bổ sung được chấp nhận khi quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm. Đây có thể nói là một điều kiện thuận lợi nữa để giúp các doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn, vì trên thực tế khi bắt tay vào việc phục hồi hoạt động kinh doanh, không phải doanh nghiệp nào cũng đạt được những kết quả thuận lợi. Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm cần quan tâm trong phần sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi kinh doanh:

Thứ nhất, đề phương án phục hồi hoạt động kinh doanh được sửa đổi bổ sung cần thiết phải có yêu cầu từ phía chủ nợ và doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Liệu ở đây có phải mọi chủ nợ đều được thỏa thuận cùng doanh nghiệp yêu cầu sửa đổi bổ sung phương án phục hồi? Nếu như tất cả chủ nợ đều có quyền yêu cầu sửa đổi bổ sung phương án phục hồi thì sẽ dễ gây ra sự hỗn loạn, bất đồng ý kiến và rất khó áp dụng vào thực tiễn. Pháp luật phá sản nên quy định nhóm chủ nợ không có bảo đảm mới có quyền yêu cầu sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi kinh doanh để dễ quản lý và áp dụng thực tiễn.

Thứ hai, thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được chấp nhận khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành. Nhưng bằng cách nào để xác minh được kết quả biểu quyết tán thành đó khi hội nghị chủ nợ không còn

nữa? Làm thế nào để lấy được hết ý kiến của các chủ nợ, đặc biệt là nhóm chủ nợ không có bảo đảm. Việc này sẽ tốn rất nhiều thời gian và công sức, có thể ảnh hưởng đến tiến độ phục hồi doanh nghiệp.

Thứ ba, sau khi được đề nghị thẩm phán sẽ ra quyết định công nhận thỏa thuận sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi kinh doanh của doanh nghiệp. Khi pháp luật phá sản không quy định rõ chủ nợ nào được quyền thỏa thuận sửa đổi bổ sung phương án phục hồi thì sẽ có rất nhiều ý kiến, kiến nghị được đưa ra và không phải sự sửa đổi bổ sung nào cũng hợp lý và có thể giúp doanh nghiệp phục hồi thành công. Pháp luật phá sản phải quy định những trường hợp thẩm phán có quyền không công nhận sự thỏa thuận của các bên về sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi nếu có các dấu hiệu vi phạm luật định và không phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp. Mặc dù, Luật Phá sản 2014 đã trao quyền tự định đoạt việc sửa đổi bổ sung phương án phục hồi cho con nợ và chủ nợ nhưng sự thỏa thuận đó vẫn phải nằm trong khuôn khổ của pháp luật.

2.1.2.5. Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Pháp luật phá sản tuy tạo rất nhiều điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng cũng có những quy định để giám sát quá trình phục hồi này. Tất cả các bên từ con nợ, đến chủ nợ đều mong muốn quá trình phục hồi diễn ra nhanh chóng và thành công, nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng đi đúng hướng và phục hồi có hiệu quả, chính vì thế việc giám sát phục hồi là hoàn toàn hợp lý. Không chỉ riêng Việt Nam, mà các quốc gia trên thế giới đều có quy định về việc giám sát hoạt động phục hồi hoạt động kinh doanh. Ví dụ ở Mỹ là người đại diện cho Chính phủ sẽ giám sát sau đó báo cáo với Tòa án. Ở một số quốc gia khác, việc giám sát lại được giao cho chủ thể có lợi ích bị ảnh hưởng nhiều nhất là chủ nợ. Ở Việt Nam, chủ thể giám sát hoạt động phục hồi hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều 93 Luật Phá sản 2014: “Sau khi thẩm phán ra quyết định

công nhận nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chủ nợ giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Sáu tháng một lần, doanh nghiệp, hợp tác xã phải lập báo cáo về tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã cho quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm báo cáo thẩm phán và thông báo cho chủ nợ”.

Pháp luật phá sản ở Việt Nam kết hợp cả hai chủ thể để thực hiện giám sát bao gồm: Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chủ nợ. Việc quy định chủ nợ giám sát việc phục hồi hoạt động kinh doanh vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ. Chủ nợ sẽ là những người công tâm nhất khi thực hiện việc giám sát, chủ nợ sẽ có những cái nhìn khách quan, đánh giá đúng thực trạng của hoạt động phục hồi nhằm đưa ra những điều chỉnh kịp thời. Bên cạnh đó, thẩm phán cũng có quyền giám sát việc thực hiện hoạt động phục hồi doanh nghiệp bằng cách xem những báo cáo của quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản sáu tháng một lần.

Có thể nói, theo pháp luật phá sản Việt Nam, phù hợp với pháp luật phá sản thế giới, quá trình thực hiện việc giám sát hoạt động phục hồi doanh nghiệp được kết hợp rất chặt chẽ và hợp lý.

2.1.2.6. Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

Theo khoản 1 Điều 95 Luật Phá sản 2014, các trường hợp sau sẽ được thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

Thứ nhất: Doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện xong phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Có thể hiểu rằng, doanh nghiệp thực hiện xong phương án phục hồi hoạt động kinh doanh là doanh nghiệp đã thực hiện thành

công, trở lại hoạt động bình thường. Chính vì thế Thẩm phán sẽ ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh.

Thứ hai: Doanh nghiệp không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Luật Phá sản 2014 đã tạo rất nhiều điều kiện để doanh nghiệp thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Thế nhưng vì nhiều lý do khác nhau mà không phải doanh nghiệp nào cũng bắt tay vào để thực hiện phương án phục hồi. Có thể vì người lao động, vì chính bản thân doanh nghiệp hay cũng có thể là vì các yếu tố khách quan khác. Tuy nhiên, sau khi có phương án phục hồi hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp không thực hiện, thẩm phán sẽ ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh.

Thứ ba: Hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng doanh nghiệp vẫn mất khả năng thanh toán. Không phải doanh nghiệp nào thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cũng thành công. Có không ít các doanh nghiệp gặp trở ngại do thay đổi cơ cấu, định hướng không hợp lý, thị trường bất ổn... Mặc dù, doanh nghiệp đã cố gắng hết sức để phục hồi, đã sửa đổi bổ sung, các chủ thể giám sát đã làm việc nghiêm túc nhưng cũng không thể cứu doanh nghiệp khỏi việc mất khả năng thanh toán.

Toà án có nghĩa vụ phải thông báo công khai quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản 2014.

Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều 96 Luật Phá sản 2014: “Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 95 của Luật Phá sản thì doanh nghiệp, hợp tác xã được coi là không còn mất khả năng thanh toán. Thẩm phán phụ trách giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản có trách nhiệm ra thông báo bằng văn bản

về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 95 của Luật Phá sản, thì thẩm phán ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản”.

Việc thẩm phán ra quyết định doanh nghiệp không còn mất khả năng thanh toán hoặc phá sản có ý nghĩa rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp có quyết định phá sản sẽ tiến hành theo trình tự và thủ tục của luật phá sản. Đối với những doanh nghiệp được coi là không còn mất khả năng thanh toán thì sẽ trở lại hoạt động bình thường, sẽ đề ra những phương hướng hoạt động mới, có những đối tác mới. Giúp tạo công việc ổn định cho người lao động, bình ổn thị trường. Có thể nói quyết định doanh nghiệp được coi là không mất khả năng thanh toán của thẩm phán có ý nghĩa lớn không chỉ với doanh nghiệp, với chủ nợ và với cả xã hội.

2.1.3. Hậu quả pháp lý của việc áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2014

Bất kỳ việc áp dụng thủ tục nào trong quá trình phá sản cũng có hậu quả pháp lý của riêng nó. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản cũng vậy. Khi áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp có những hậu quả pháp lý có thể kể đến như sau:

Thứ nhất, doanh nghiệp phục hồi thành công

Doanh nghiệp sau khi triển khai nội dung phương án phục hồi trong đúng khoảng thời gian quy định dưới sự giám sát của các chủ nợ, các cơ quan quản lý, thanh lý tài sản đã thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán thì phục hồi thành công. Doanh nghiệp khi được thẩm phán ra quyết định doanh nghiệp không còn mất khả năng thanh toán sẽ trở lại hoạt động bình thường và có cơ hội tìm kiếm những đối tác và bạn hàng mới trên thương trường. Đây không chỉ là mong muốn của doanh nghiệp, chủ nợ mà còn là mong muốn của

những người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Việc doanh nghiệp được coi là không lâm vào tình trạng phá sản không chỉ có ý nghĩa quan trọng với bản thân doanh nghiệp, mà còn có ý nghĩa to lớn với nền kinh tế và xã hội.

Thứ hai, doanh nghiệp phục hồi không thành công

Sau khi áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp mà doanh nghiệp vẫn mất khả năng thanh toán và bị tuyên bố phá sản. Việc sau khi áp dụng thủ tục phục hồi, áp dụng tất cả các biện pháp có thể mà doanh nghiệp vẫn không thể phục hồi thành công thì cũng nên phá sản để tránh thất thoát cho nền kinh tế và xã hội.

Có thể nói khi áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp là tạo điều kiện tốt để các doanh nghiệp tiếp tục hoạt động trên cơ sở phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo luật phá sản năm 2014

2.2.1. Những kết quả đạt được

Nền kinh tế Việt Nam đang trong đà tăng trưởng, trong đó có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Theo thống kê của Cục Quản lý đăng ký doanh nghiệp, tổng số doanh nghiệp lâm cảnh khó khăn, phải tạm ngừng hoạt động có thời hạn và không có thời hạn đã giảm từ 71.300 doanh nghiệp năm 2015 xuống 60.600 doanh nghiệp trong năm 2016 [19]. Như vậy, có thể nói, nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, số doanh nghiệp chính thức phải rời bỏ thị trường tăng cao. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và giải thể do nhiều nguyên nhân trong đó có thiếu vốn, mất thị trường và nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, khả năng cạnh tranh quyết liệt đã đẩy nhiều doanh nghiệp nhỏ khó gặp nhiều khó khăn hơn trước.

Nói đến Luật Phá sản, người ta nghĩ ngay đến mục tiêu chính của Luật này là tạo lối thoát nhân đạo cho những doanh nghiệp lâm vào hoàn cảnh khó khăn về mặt tài chính, không còn khả năng trả dứt nợ. Có ý kiến cho rằng, các

quy định của Luật Phá sản lại quá tập trung vào việc bảo vệ sự công bằng cho các chủ nợ nên thủ tục rối ren. Do đó, nhiều doanh nghiệp khi lâm vào cảnh vỡ nợ, phải phá sản, họ không muốn chọn Luật Phá sản. Tuy nhiên, Luật Phá sản 2014 đã chú trọng hơn đến chế định này và tạo ra những cơ hội mới cho doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản bằng việc đưa ra những quy định nhằm phục hồi doanh nghiệp.

Hội nghị chủ nợ có thể đưa ra nghị quyết đề nghị áp dụng biện pháp phục hồi kinh doanh đối với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán (điểm b, khoản 1, Điều 83). Sau đó, doanh nghiệp phải xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cùng với chủ nợ, quản tài viên hay doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để làm cơ sở cho thẩm phán xem xét và triệu tập hội nghị chủ nợ. Nếu hội nghị chủ nợ ra nghị quyết thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh thì thẩm phán sẽ ra quyết định công nhận nghị quyết này (Điều 87 và các điều tiếp theo).

Các biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh khá đa dạng, bao gồm: huy động vốn; giảm nợ, miễn nợ, hoãn nợ; thay đổi mặt hàng sản xuất, kinh doanh; đổi mới công nghệ sản xuất; tổ chức lại bộ máy quản lý, sáp nhập hoặc chia tách bộ phận sản xuất; bán cổ phần cho chủ nợ và những người khác; bán hoặc cho thuê tài sản và các biện pháp khác không trái quy định pháp luật.

Dễ nhận thấy đây là một danh sách mở, các bên có thể xem xét khả năng áp dụng các biện pháp khác ngoài danh sách này giúp doanh nghiệp phục hồi hoạt động. Nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh có thể xác định thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nếu không xác định, thời hạn là ba năm kể từ ngày hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản khi (i) doanh nghiệp không còn tài sản để thanh toán lệ phí nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hay chi phí phá

sản, (ii) hội nghị chủ nợ đã được hoãn nhưng khi triệu tập lại vẫn không đáp ứng điều kiện theo quy định, (iii) hội nghị chủ nợ không thông qua được nghị quyết trong lần họp đầu hay không tổ chức lại được hội nghị chủ nợ để thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh hay không thông qua được nghị quyết về phương án này, hoặc (iv) doanh nghiệp không xây dựng được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh trong thời hạn quy định, không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc vẫn mất khả năng thanh toán khi hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Như vậy, Luật Phá sản 2014 đã chú trọng nhiều hơn đến quyền và lợi ích của con nợ - một xu thế chung của pháp luật phá sản của các quốc gia trên thế giới. Luật Phá sản 2014 có những điểm tích cực có thể đề cập đến:

- Cho phép nhiều chủ thể với những tư cách khác nhau (như chủ nợ, con nợ,..) có quyền và nghĩa vụ xây dựng phương án phục hồi. Việc cho phép nhiều chủ thể có quyền xây dựng phương án phục hồi sẽ có những cái nhìn đa dạng và khách quan của các chủ thể giúp cho nội dung của phương án phục hồi có thể triển khai tốt nhất.

- Quy định nội dung phương án phục hồi đã dạng và phong phú, giúp cho chủ nợ có thể đánh giá khách quan khả năng phục hồi hoạt động kinh doanh và quyết định áp dụng hay không áp dụng phương án phục hồi. Luật Phá sản 2014 bổ sung thêm phương án giảm nợ, miễn nợ, hoãn nợ so với Luật Phá sản 2004. Trong hoàn cảnh cạnh tranh gay gắt không chỉ giữa những doanh nghiệp trong nước với nhau mà còn cạnh tranh với cả doanh nghiệp ngoài nước, việc đưa ra đa dạng những biện pháp giúp phục hồi hoạt động kinh doanh có thể coi là những chiếc phao cứu sinh cho các doanh nghiệp đang đứng trước nguy cơ phá sản.

- Đảm bảo vị trí, vai trò quan trọng của chủ nợ trong mô hình tổ tụng phá sản. Khi doanh nghiệp đứng trước nguy cơ phá sản thì chủ nợ chính là

những người bị ảnh hưởng nhiều nhất về quyền và lợi ích. Khi đã đứng trước nguy cơ phá sản, tất nhiên doanh nghiệp không còn khả năng chi trả, việc đưa doanh nghiệp đến việc tuyên bố phá sản sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến lợi ích của chủ nợ. Hơn nữa, chính bản thân các chủ nợ là người mong muốn phục hồi doanh nghiệp thành công nhất. Cho nên, vai trò của chủ nợ trong tất cả các giai đoạn của quá trình phục hồi hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Việc xây dựng phương án phục hồi hay giám sát quá trình phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản không chỉ là quyền, mà còn là nghĩa vụ của các chủ nợ.

- Luật cũng đã quy định một quy trình hợp lý, đầy đủ và bám sát thực tế về thực hiện, giám sát, sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Việc bám sát thực tế và đưa ra quy trình hợp lý sẽ giúp các doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc phục hồi hoạt động kinh doanh, cũng như các chủ nợ có thể bảo đảm tối đa quyền và lợi ích của mình.

2.2.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

Trên thực tế hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động có thời hạn cũng như không thời hạn. Những doanh nghiệp này chắc chắn đã lâm vào tình cảnh khó khăn, nhưng số lượng doanh nghiệp tuyên bố phá sản hay áp dụng thủ tục phục hồi còn rất ít. Tại sao lại như vậy? Phải chăng Luật Phá sản quá xa rời thực tế hay Luật Phá sản còn chưa quan tâm nhiều đến quyền và lợi ích của chủ nợ? Có thể chỉ ra một số bất cập như:

- *Về đối tượng áp dụng của Luật Phá sản:* Theo quy định, Luật Phá sản hiện hành chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mà không áp dụng với các chủ thể kinh doanh khác như cá nhân, hộ gia đình. Do đó, có nhiều Tòa án đề nghị mở rộng đối tượng áp dụng của Luật Phá sản theo hướng mọi tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh và có đăng ký kinh doanh nếu lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì đều có thể bị

đưa ra Tòa án để giải quyết theo thủ tục phá sản. Các chủ thể kinh doanh trong đó có cá nhân, hộ gia đình... cần được bình đẳng với các chủ thể kinh doanh khác (doanh nghiệp) trong việc sử dụng các cơ chế do pháp luật quy định, trong đó có cơ chế phá sản. Nếu chẳng may thua lỗ thì các chủ thể này cũng được hưởng một cơ chế xử lý nợ như các tổ chức sản xuất kinh doanh khác để có cơ hội trở lại hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chủ nợ cũng bảo đảm cơ chế đòi nợ đúng pháp luật, tránh tình trạng bắt xiết nợ, gây mất trật tự an toàn xã hội như một số trường hợp xảy ra hiện nay. Nhiều hộ gia đình có quy mô kinh doanh lớn, làm ăn với doanh nhân nước ngoài nên Luật Phá sản cũng cần sửa đổi cho phù hợp với Luật Phá sản của thế giới, nhất là khi Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới.

- Các quy định có liên quan đến thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thiếu cụ thể nên chưa phát huy được hiệu quả trên thực tế. Các quy định có liên quan đến phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện tại các điều từ Điều 89 đến Điều 95 của Luật Phá sản còn chưa cụ thể, chưa đề cập đến nhiều vấn đề khác như: cách thức thực hiện việc giám sát của chủ nợ đối với việc thực hiện phương án phục hồi kinh doanh; quyền hạn của Tòa án, của chủ nợ khi giám sát mà phát hiện doanh nghiệp thực hiện không đúng hoặc không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh; cách thức thông qua việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; việc giải quyết các vụ kiện mà doanh nghiệp là bị đơn; yêu cầu thi hành án dân sự mà doanh nghiệp là người phải thi hành án; về việc giải quyết quyền lợi của chủ nợ mới phát sinh trong giai đoạn doanh nghiệp tiến hành phương án phục hồi khi Tòa án chuyển sang áp dụng thủ tục thanh lý tài sản hoặc tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản... Hơn nữa, trong thực tiễn, việc giải quyết các yêu cầu tuyên bố phá sản thường kéo dài rất lâu, nhiều thủ tục rườm rà, phức tạp. Do đó, Luật Phá sản sửa đổi cần quy định bổ sung một loại hình phá sản rút gọn dành cho các

doanh nghiệp cần phá sản ngay, sau khi khẳng định đủ điều kiện phá sản mà không phải trải qua các bước theo trình tự thủ tục quy định trong Luật Phá sản hiện hành. Bên cạnh đó, Luật Phá sản 2014 về áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản vẫn có một số điểm chưa hợp lý như:

- Không thống nhất giữa quy định về các trường hợp tòa án tuyên bố phá sản liên quan đến việc thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Thực vậy, khoản 2 Điều 107 chỉ nêu duy nhất trường hợp doanh nghiệp không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh trong khi khoản 2, Điều 96 nêu thêm một giả thiết nữa là khi hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp vẫn mất khả năng thanh toán.

- Hơn nữa, Điều 37 Luật Phá sản 2014 đề ngỏ khả năng thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán về việc rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tuy nhiên, điều luật này không đề cập cụ thể về các biện pháp mà hai bên có thể đàm phán để khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp như chuyển nợ thành phần vốn góp/cổ phần, thay đổi vị trí ưu tiên thanh toán của khoản nợ có bảo đảm hay khoản nợ không có bảo đảm, chuyển khoản nợ có bảo đảm thành khoản nợ không có bảo đảm và ngược lại, tăng hoặc giảm vốn góp...

- Luật Phá sản 2014 chỉ đề cập đến trường hợp doanh nghiệp chủ động chấm dứt hợp đồng đang có hiệu lực (Điều 61 và Điều 62) chứ không có quy định nào về giá trị pháp lý của điều khoản trong hợp đồng ký với doanh nghiệp cho phép phía bên kia đơn phương chấm dứt hợp đồng khi phát hiện doanh nghiệp mất khả năng thanh toán vốn được sử dụng rất phổ biến trong thực tế. Thêm vào đó, vẫn còn quá ít quy định về trách nhiệm pháp lý của người quản lý doanh nghiệp trước và trong thủ tục phá sản.

Kết luận chương 2

Trong Chương 2 của luận văn, tác giả đã tập trung phân tích thực trạng những quy định của pháp luật phá sản Việt Nam về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Bên cạnh đó, là thực trạng thực hiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản nhằm đánh giá những mặt đạt được và những mặt hạn chế, bất cập từ quy định của pháp luật cần khắc phục như: Phạm vi đối tượng áp dụng còn hạn chế; các quy định của Luật Phá sản 2014 về thủ tục phục hồi cần chi tiết và rõ ràng hơn nữa về thủ tục sửa đổi bổ sung phương án phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản; còn thiếu cơ chế hoạt động thường xuyên của hội nghị chủ nợ. Đây được coi là những cơ sở thực tiễn để từ đó định hướng việc hoàn thiện pháp luật phá sản về phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam

3.1.1. Bảo đảm tính khả thi của Luật Phá sản với điều kiện, tình hình kinh tế đất nước trong giai đoạn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Phá sản là hiện tượng bình thường và cần thiết của kinh tế thị trường, còn pháp luật phá sản là sự can thiệp có ý thức của Nhà nước vào hiện tượng này nhằm hạn chế tối đa những hậu quả tiêu cực và khai thác những mặt tích cực của nó. Thông qua pháp luật phá sản, Nhà nước và Toà án có thể can thiệp vào quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp với một cách nhìn hiện đại, năng động và hết sức mềm dẻo.

Như chúng ta đã biết, mục đích của việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp là để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ, doanh nghiệp mắc nợ và những người có liên quan, nhất là người lao động; xác định trách nhiệm của doanh nghiệp mắc nợ khi giải quyết việc phá sản doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả và bảo đảm trật tự, kỷ cương xã hội. Trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt, hiện tượng một số doanh nghiệp không đứng vững, gặp khó khăn về tài chính, làm ăn thua lỗ, lâm vào tình trạng phá sản không nằm ngoài quy luật tất yếu. Để hoàn thiện hơn nữa pháp luật về phá sản doanh nghiệp, chúng ta phải quán triệt các quan điểm đổi mới về cải cách kinh tế, xây dựng kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa, cần sắp xếp, đổi mới, và phát triển

kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, tạo lập khung pháp luật bảo đảm sự quản lý và giám sát của nhà nước.

Thứ nhất, có quan điểm đúng về phá sản doanh nghiệp: Nghiên cứu, quán triệt để có quan điểm đúng về phá sản doanh nghiệp, phải coi đây là biện pháp quan trọng trong việc phục hồi hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là trong việc sắp xếp, cơ cấu lại và đổi mới hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Theo thống kê không đầy đủ thì chỉ có 40% doanh nghiệp nhà nước là kinh doanh có hiệu quả. Số còn lại hoạt động cầm chừng hoặc thua lỗ. Các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác cũng không khả quan hơn doanh nghiệp nhà nước. Cần phải có cơ chế và biện pháp thích hợp để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp gặp khó khăn thua lỗ có cơ hội rút ra khỏi thương trường một cách trật tự.

Thứ hai, cơ chế kiểm tra, kiểm soát doanh nghiệp: Cần xây dựng cơ chế kiểm tra, kiểm soát doanh nghiệp một cách hợp lý, hiệu quả, nhất là về tài chính kế toán để kịp thời phát hiện sớm doanh nghiệp có khó khăn về tài chính để có biện pháp hỗ trợ, tổ chức lại, phục hồi hoạt động của doanh nghiệp. Nếu đã áp dụng các biện pháp cần thiết nhưng vẫn không khắc phục được thì có cách xử lý thích hợp đối với số doanh nghiệp này, làm “trong sạch môi trường” sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, định hướng hoàn thiện pháp luật về phá sản gần gũi hơn với nền kinh tế thị trường: Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn ở các địa phương, nhất là ở các thành phố lớn và các tỉnh có nhiều quan hệ kinh tế để tìm ra những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung Luật phá sản. Các luật về doanh nghiệp hiện hành đã có nhiều nội dung thay đổi so với các luật đã ban hành vào thời điểm xây dựng Luật phá sản 2004. Do đó việc sửa đổi, bổ sung Luật phá sản 2014 để phù hợp tình hình hiện nay là tất yếu, để luật thực sự đi vào cuộc sống, thực sự trở thành công cụ đắc lực trong quản lý nhà nước, cho chủ đầu tư trong việc tổ chức lại hoặc thanh lý doanh nghiệp. Đối với các doanh

nghiệp gặp khó khăn thua lỗ, cần chuyển quyền kiểm soát tài sản của doanh nghiệp mắc nợ sang cho các chủ nợ nhằm sử dụng có hiệu quả hơn, từ đó xem xét và quyết định việc tổ chức lại hoạt động kinh doanh, phục hồi doanh nghiệp hay thanh toán tài sản doanh nghiệp khi chưa quá muộn. Trên cơ sở phân tích kết quả đã thực hiện và áp dụng Luật phá sản trong thời gian qua, khắc phục và giải đáp những vướng mắc như nói ở trên, cần ban hành các Thông tư liên tịch Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, v.v... hướng dẫn thực hiện và triển khai đồng bộ Luật phá sản doanh nghiệp sau khi được bổ sung sửa đổi. Cần xây dựng và ban hành mẫu biểu áp dụng thống nhất trong tổ tụng phá sản. Định kỳ và thường xuyên mở các lớp tập huấn, trao đổi rút kinh nghiệm trong việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản.

3.1.2. Bảo đảm để doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản có thể thực hiện hiệu quả phương án phục hồi đang được coi là một mục tiêu quan trọng của pháp luật phá sản hiện đại

Tham khảo kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia cho thấy, phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản đang được coi là một mục tiêu quan trọng của pháp luật phá sản hiện đại, thể hiện ở mấy điểm sau đây:

Thứ nhất, *xúc tiến phục hồi hoạt động của con nợ lâm vào tình trạng phá sản (mất khả năng thanh toán) là mục tiêu và là xu thế chung của pháp luật phá sản hiện đại trên thế giới.* Cùng với sự phát triển về kinh tế, việc chuyển mục tiêu lập pháp của luật phá sản từ bảo hộ đối với quyền lợi của chủ nợ sang “hướng vào con nợ” là một xu thế khách quan. Luật Phá sản truyền thống với việc chỉ bảo vệ cho lợi ích của chủ nợ (với một thủ tục được áp dụng đó đó thanh lý tài sản) để dẫn đến những tiêu cực nảy sinh cho cả chủ nợ, con nợ và xã hội, đặc biệt khi nền kinh tế phát triển nhất định thì quy định đơn cực này trở thành rào cản. Với quan điểm cứu tế con nợ là giải pháp hữu hiệu cho bảo vệ lợi ích của chủ nợ, bảo vệ lợi ích của xã hội luật phá sản hiện

đại chuyển sang mục tiêu mới là “hướng vào con nợ”. Tất nhiên, dưới sự tác động của quy luật cạnh tranh, phá sản là một hiện tượng tất yếu. Tuyên bố phá sản con nợ là một việc không thể không diễn ra, nếu ví các doanh nghiệp như là một “bộ phận cơ thể” trong hệ thống các đơn vị kinh tế của nền kinh tế, thì việc loại bỏ “những bộ phận ốm yếu ra khỏi cơ thể” là một việc đương nhiên. Nhưng việc làm đó trước hết cần phải thực hiện trên cơ sở áp dụng các phương thuốc “chữa trị”, nếu không tác dụng mới tiến hành loại bỏ, hoặc nhiều trường hợp, việc xác định ngay từ đầu việc sử dụng các phương thuốc là không thể cứu vãn nổi. Thủ tục phục hồi chính là phương thuốc cứu vãn doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Hiện nay nhiều nước còn đưa thêm các quy định tiền phá sản mang tính chất phòng ngừa để tránh xảy ra hiện tượng doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ hai, *thủ tục phục hồi không đơn thuần là một trình tự thủ tục pháp lý, nó còn là một giải pháp lý tưởng nhằm cứu vãn con nợ thoát khỏi lâm vào tình trạng phá sản, phòng ngừa phá sản.* Thủ tục phục hồi mặc dù có nhiều tên gọi khác nhau trong Luật Phá sản của các quốc gia trên thế giới, song các thủ tục đều thể hiện một mục tiêu đó chính là áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện cho con nợ trong tình trạng phá sản được “hồi sinh”. Thủ tục phục hồi trước hết nó là một giải pháp nhằm cứu vãn con nợ lâm vào tình trạng phá sản (mất khả năng thanh toán) tránh bị phá sản, bên cạnh đó nó còn là giải pháp trong việc bảo hộ đối với lợi ích của chủ nợ (chủ nợ có thể thu hồi được toàn bộ nợ nếu phục hồi thành công). Trong giải pháp này, được cụ thể bằng nhiều biện pháp nhằm tổ chức lại hoạt động của con nợ lâm vào tình trạng phá sản. Đi liền với quy định về thủ tục phục hồi, các quy định về các biện pháp là không thể thiếu. Những biện pháp này tùy theo tình hình thực tiễn kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia để tạo nên sự hợp lý, có tính khả thi.

Thứ ba, *điều kiện và nguyên nhân để được áp dụng thủ tục phục hồi luôn được quy định dựa trên những tiêu chí rõ ràng.* Để xác định con nợ lâm

vào tình trạng phá sản (mất khả năng thanh toán, hoặc mất năng lực trả nợ) đòi hỏi cần phải dựa vào những tiêu chí cụ thể, những tiêu chí này là điều kiện, là cơ sở để từ đó xác định con nợ được áp dụng thủ tục phục hồi hay bị áp dụng thủ tục thanh lý. Có hai loại tiêu chí thường được sử dụng, đó là tiêu chí định lượng và tiêu chí định tính. Các tiêu chí định lượng thường xác định trên cơ sở một lượng giá trị bằng tiền mà con nợ không trả được vào một thời điểm nhất định. Các tiêu chí này thường kết hợp với tiêu chí về thời gian để xác định thời điểm con nợ lâm vào tình trạng phá sản (mất khả năng thanh toán, hoặc mất năng lực trả nợ). Tiêu chí định tính chỉ nêu ra trạng thái con nợ lâm vào tình trạng phá sản mà không cần xác định bởi các con số cụ thể. Việc xác định các tiêu chí này nhằm mục tiêu gì, hoặc trên cơ sở mục tiêu gì. Thông thường các nước khi đưa ra các tiêu chí trong Luật Phá sản đều thể hiện mục tiêu cụ thể, đó có thể là mục tiêu nhằm phòng ngừa con nợ bị phá sản, có thể là nhằm mục tiêu phục hồi sự hoạt động của con nợ, có thể là mục tiêu cứu vãn con nợ, thậm chí có thể là mục tiêu nhằm thanh lý tài sản của con nợ. Việc can thiệp vào con nợ lâm vào tình trạng phá sản sớm hay muộn, ở giai đoạn nào khi con nợ có khó khăn về tài chính là tùy quan điểm lập pháp của mỗi quốc gia để từ đó có các quy định về tiêu chí phù hợp.

Thứ tư, đối tượng áp dụng thủ tục phục hồi luôn có xu hướng mở rộng. Việc lựa chọn đối tượng áp dụng thủ tục phục hồi nói riêng, đối tượng của luật phá sản nói chung luôn do điều kiện nền kinh tế của quốc gia đó quyết định. Có những nước quy định thủ tục phục hồi chỉ áp dụng cho các công ty lớn, song đối tượng trong Luật Phá sản nói chung luôn có xu hướng mở rộng, tạo nên sự bình đẳng cho các đối tượng. Trong thủ tục phục hồi, việc chọn đối tượng áp dụng cũng có xu hướng đó, ví dụ một số nước phát triển như Anh, Mỹ, Pháp đối tượng áp dụng bao gồm cả pháp nhân và thể nhân; bao gồm doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, ở Mỹ còn áp dụng cho các pháp nhân chính quyền.

3.1.3. Đề cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản

Một là, đề cao vai trò của Tòa án

Trong Luật phá sản 2014 thì vai trò của Tòa án có tính chất xuyên suốt và quyết định trong quá trình tổ tụng phá sản. Vai trò, trách nhiệm của Tòa Án trong thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản bao gồm:

- Triệu tập và chủ trì hội nghị chủ nợ để quyết định thông qua áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp.
- Quyết định việc áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh;
- Xem xét phương án phục hồi kinh doanh;
- Công nhận Nghị quyết của hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản cũng như việc sửa đổi bổ sung phương án này trong quá trình thực hiện;
- Giám sát thực hiện phương án phục hồi kinh doanh của doanh nghiệp;
- Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh.

Vai trò và trách nhiệm của tòa án được quy định trong Luật phá sản là công cụ pháp lý quan trọng giúp tòa án giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, đảm bảo tính công bằng hợp lý. Các quy định này cũng thể hiện vị trí trung tâm và vai trò quyết định của tòa án trong toàn bộ quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản nói chung và thủ tục phục hồi nói riêng.

Có thể nhận thấy, khi quá trình giải quyết phá sản là một quá trình hết sức phức tạp với rất nhiều những mâu thuẫn về lợi ích giữa các chủ thể có liên quan, khi mà ý thức và sự hiểu biết pháp luật của một số bộ phận doanh nghiệp còn chưa cao thì việc giao cho tòa án vai trò chủ đạo trong việc giải quyết phá sản nói chung và phục hồi doanh nghiệp nói riêng chính là giải pháp tốt nhất để dung hòa lợi ích giữa con nợ, chủ nợ, người lao động cũng như lợi ích của toàn xã hội.

Hai là, đề cao vai trò của hội nghị chủ nợ

Hội nghị chủ nợ được Luật phá sản thiết kế như một thiết chế để thông qua đó các bên có liên quan đến nhau trong việc phá sản cùng ngồi lại để tìm kiếm, thỏa thuận phương án phục hồi đến cứu vãn doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Bên cạnh đó hội nghị chủ nợ cũng là nơi để các chủ nợ thể hiện ý chí của mình trong các vấn đề liên quan đến thủ tục phá sản nói chung và thủ tục phục hồi nói riêng. Hội nghị chủ nợ là nơi tập hợp tất cả các chủ nợ cũng như người có quyền và nghĩa vụ liên quan, không phân biệt họ có đơn hay không có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Để tạo điều kiện cho hội nghị chủ nợ thực hiện tốt vai trò của mình, pháp luật phá sản đã trao cho hội nghị chủ nợ những thẩm quyền nhất định. Theo đó, hội nghị chủ nợ là nơi đánh giá và quyết định có áp dụng hay không áp dụng thủ tục phục hồi. Bên cạnh đó, hội nghị chủ nợ còn là thiết chế để các bên liên quan trong vụ phá sản xem xét, thảo luận và thống nhất về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3.1.4. Bảo đảm tối đa quyền lợi của người lao động

Khi doanh nghiệp bị phá sản thì những người lao động trong doanh nghiệp sẽ phải chịu hậu quả trực tiếp, họ sẽ bị mất việc làm, mất nguồn thu nhập để đảm bảo đời sống. Sự bảo vệ của Luật Phá sản đối với người làm công thể hiện ở chỗ pháp luật cho phép người lao động được quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp hoặc phản đối yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, quyền được tham gia quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, quyền được ưu tiên thanh toán nợ lương trước các khoản nợ khác của doanh nghiệp,...

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam

Việc hoàn thiện pháp luật lâm vào tình trạng phá sản phải đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, Thể chế hóa các chủ trương, đường lối, quan điểm về cải cách Tư pháp đã được xác định trong các Nghị quyết, văn kiện của Đảng.

Thứ hai, bảo đảm tính kế thừa và phát triển các nhân tố hợp lý trong quy định của pháp luật phá sản Việt Nam hiện hành về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản đã được thực tế kiểm nghiệm và chứng minh.

Thứ ba, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của pháp luật phá sản, không có sự xung đột giữa pháp luật phá sản và các văn bản pháp luật khác, phù hợp với thực tiễn nền kinh tế đất nước trong thời kì hội nhập.

Thứ tư, phải bảo đảm cụ thể hóa và không có sự xung đột giữa các quy định của Luật phá sản với các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nghiên cứu tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đời sống xã hội.

Thứ năm, đảm bảo tính khả thi của Luật phá sản với điều kiện, tình hình kinh tế đất nước trong giai đoạn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đảm bảo thủ tục phục hồi kinh doanh dân chủ, công khai, nhanh gọn, công bằng; đề cao vai trò trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình phục hồi.

3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Thứ nhất, bổ sung quy định yêu cầu mở thủ tục phục hồi trong nội dung của đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, để được áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản phải trải qua các bước:

- Nộp đơn xin mở thủ tục phá sản;
- Tòa án thụ lý đơn và ra quyết định mở thủ tục phá sản;

- Tiến hành họp hội nghị chủ nợ và thông qua phương án phục hồi trong nghị quyết hội nghị chủ nợ;

- Tòa án ra quyết định công nhận và áp dụng thủ tục phục hồi.

Việc áp dụng thủ tục phục hồi mặc dù con nợ muốn áp dụng thủ tục phục hồi từ đầu nhưng vẫn phải làm đơn xin mở thủ tục phá sản. Theo quy định của Luật phá sản 2014 nội dung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của doanh nghiệp được quy định tại Khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Ngày, tháng, năm;

b) Tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết phá sản;

c) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã;

d) Tên, địa chỉ của người làm đơn;

đ) Căn cứ yêu cầu mở thủ tục phá sản.”

Việc đương sự không có quyền trực tiếp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản dẫn đến nhiều bất lợi cho thủ tục này:

Một, tạo ra sự bất lợi cho đương sự. Khi doanh nghiệp đã lâm vào tình trạng không còn khả năng thanh toán, thì chính những chủ doanh nghiệp là những người hiểu rõ nhất lý do và khả năng cứu vãn doanh nghiệp. Hiểu được điều đó họ muốn yêu cầu mở thủ tục phục hồi doanh nghiệp để tự cứu lấy doanh nghiệp của mình, nhưng khi thông qua hội nghị chủ nợ không được tán thành, con nợ đành phải áp dụng thủ tục thanh lý, trái với nguyện vọng và mong muốn của con nợ. Hoặc có chủ nợ muốn áp dụng thủ tục phục hồi nhưng chủ nợ khác lại không muốn và không biểu quyết thông qua tại hội nghị chủ nợ thì không thể áp dụng thủ tục phục hồi.

Hai, thời gian và trình tự để được áp dụng thủ tục phục hồi phải qua nhiều khâu, nhiều giai đoạn làm tốn nhiều thời gian khiến cho con nợ, chủ nợ và cả tòa án bị động trong việc lựa chọn thủ tục áp dụng, trong xây dựng phương án phục hồi. Trong kinh doanh hiện nay, thời gian là “vàng ngọc”,

việc cạnh tranh giữa các chủ thể trong môi trường kinh doanh khá gay gắt. Việc kéo dài một khoảng thời gian khá dài cũng là việc đánh mất của doanh nghiệp nhiều cơ hội phục hồi. Chỉ sau khi Tòa án ra quyết định áp dụng thủ tục phục hồi thì mới tiến hành phương án phục hồi. Trong khi đó nếu được phục hồi ngay thì doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ hội hơn trong việc xây dựng phương án phục hồi cũng như nắm bắt cơ hội giúp doanh nghiệp phục hồi thành công.

Luật phá sản 2014 không quy định trong nội dung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, người nộp đơn có quyền yêu cầu mở thủ tục phục hồi hay thủ tục thanh lý tài sản doanh nghiệp. Vì vậy, để tạo sự chủ động cho các chủ thể nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Luật phá sản cần bổ sung thêm nội dung là yêu cầu mở thủ tục phục hồi doanh nghiệp hay thủ tục thanh lý tài sản.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Trên thế giới, việc các doanh nghiệp lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán hay tài sản của pháp nhân thấp hơn các khoản nợ hiện có của pháp nhân thì các thành viên đại diện của pháp nhân đó không được chậm trễ phải có nghĩa vụ đệ đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Người nào phải thực hiện nghĩa vụ này mà không thực hiện đúng hạn phải chịu những chế tài rất nặng. Ví dụ như Luật phá sản của Đức, chủ thể không thực hiện nghĩa vụ này có thể bị phạt tù đến ba năm hoặc phạt tiền, trường hợp vô ý mà vi phạm thì bị phạt tù đến một năm hoặc bị phạt tiền.

Một hành vi nào đó có lỗi gây thiệt hại cho xã hội thì đều phải chịu trách nhiệm và chế tài tương ứng. Việc để doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản và bị phá sản có nhiều lý do khách quan và chủ quan nhưng không thể không kể đến trách nhiệm của những người lãnh đạo doanh nghiệp. Trên thực tế người lãnh đạo doanh nghiệp là người nắm rõ nhất doanh nghiệp của mình năng lực cạnh tranh đến đâu, khả năng kinh tế, các khoản nợ đến hạn

của mình. Nếu các lãnh đạo các doanh nghiệp nhận thấy doanh nghiệp của mình đang mất dần khả năng thanh toán mà không nộp đơn yêu cầu lên tòa án để có thể áp dụng thủ tục phục hồi, giúp ngăn chặn doanh nghiệp phá sản thì phải áp dụng chế tài.

Một doanh nghiệp phá sản sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy kéo theo như ảnh hưởng đến lợi ích của chủ nợ, người lao động mất việc làm, ảnh hưởng đến thị trường và các doanh nghiệp khác. Quy định của pháp luật hiện hành về chế tài đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ này còn nhẹ và ở mức phạt tiền thấp, điều đó sẽ ảnh hưởng đến hiệu lực thi hành của Luật phá sản. Để khắc phục tình trạng này, pháp luật cần bổ sung chế tài đủ mạnh để xử lý nghiêm khắc các doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu phá sản.

Thứ ba, giao thẩm quyền phục doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh

Thực tiễn giải quyết các vụ án phá sản cho thấy:

- Thủ tục giải quyết phá sản là thủ tục đòi nợ tập thể, có thể nói là loại án khó. Việc giải quyết án phá sản thường rất phức tạp, vừa giải quyết các yêu cầu đòi nợ, vừa giải quyết các tranh chấp liên quan đến khoản nợ và con nợ nên vụ việc phá sản thường được coi là những vụ án khó, đòi hỏi những người giải quyết án phá sản phải là những Thẩm phán có chuyên môn sâu, có kiến thức nhất định về doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

- Hiện nay có nhiều doanh nghiệp có quy mô tương đối lớn, kinh doanh nhiều ngành nghề, nhiều địa phương, nhiều loại hình khác nhau. Hơn nữa tài sản của doanh nghiệp có ở nhiều nơi, thậm chí có cả tài sản ở nước ngoài, con nợ ở nhiều địa phương khác nhau, có khoản nợ lớn và tranh chấp các khoản nợ rất phức tạp... Do đó khi giải quyết yêu cầu đòi với phá sản doanh nghiệp cần phải tiến hành thu thập chứng cứ, phải điều tra xác minh trong và ngoài nước.

Do đó với điều kiện hiện nay của tòa án nhân dân cấp huyện nên xem xét giao thẩm quyền giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản cho tòa án nhân dân cấp tỉnh. Có ý kiến cho rằng nếu chỉ giao thẩm quyền về cấp tỉnh thì tòa án nhân dân cấp tỉnh sẽ quá tải, đặc biệt là những thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,...

Thực tiễn cho thấy, từ khi Luật phá sản 2004 có hiệu lực, cho đến Luật phá sản 2014 ra đời số lượng đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và số lượng doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản là không nhiều. Phá sản vẫn còn là vấn đề khá mới mẻ trong văn hóa kinh doanh của các doanh nghiệp và trong thực tiễn giải quyết của tòa án. Phá sản cũng có thể nói là sự lựa chọn cuối cùng của các bên. Vì vậy với cơ cấu chuyên trách của tòa án cấp huyện và cấp tỉnh hiện nay thì việc giải quyết phá sản nên giao cho tòa án nhân dân cấp tỉnh là phù hợp.

Ngoài ra việc trao quyền tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản cho tòa án, Luật phá sản cũng cần hạn chế sự can thiệp quá sâu của tòa án vào nội dung phương án phục hồi kinh doanh. Tòa án chỉ nên hỗ trợ về mặt pháp lý thủ tục áp dụng phục hồi.

Thứ tư, hoàn thiện các quy định có liên quan đến thực hiện, giám sát, sửa đổi bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Các quy định của pháp luật phá sản liên quan đến thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản còn khá đơn giản, chưa đề cập nhiều đến các vấn đề khác như: cách thức thực hiện việc giám sát của chủ nợ đối với phương án phục hồi kinh doanh; quyền hạn của Tòa án, chủ nợ mà khi giám sát mà phát hiện doanh nghiệp thực hiện không đúng hoặc không thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh; cách thức thông qua việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Do vậy, cần bổ sung các quy định có liên quan đến thực hiện, giám sát, sửa đổi bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh:

- Bổ sung quy định về giải quyết quyền lợi của chủ nợ mới phát sinh trong giai đoạn doanh nghiệp tiến hành phương án phục hồi. Để đảm bảo tư cách chủ nợ cho các chủ nợ mới phát sinh như có tên trong danh sách chủ nợ để có quyền đòi nợ, có quyền tham gia hội nghị chủ nợ, Luật cần quy định khả năng bổ sung danh sách chủ nợ trong những trường hợp cần thiết.

- Bổ sung quy định về những giao dịch kinh doanh, giao dịch dân sự mà doanh nghiệp được tiến hành; về việc giải quyết các vụ kiện mà doanh nghiệp là bị đơn; yêu cầu thi hành án dân sự mà doanh nghiệp là người phải thi hành án...

- Cần có những quy định cụ thể về cách thức thực hiện giám sát của chủ nợ đối với việc thực hiện phương án phục hồi kinh doanh; Quyền hạn của tòa án chủ nợ khi giám sát mà phát hiện doanh nghiệp thực hiện không đúng hoặc không thực hiện phương án phục hồi kinh doanh.

- Bổ sung quy định về cách thức thông qua việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ năm, quy định một cơ chế hoạt động thường xuyên cho hội nghị chủ nợ trong quá trình áp dụng thủ tục phục hồi

Trong Luật phá sản ở nhiều nước, vai trò của hội nghị chủ nợ không chỉ dừng lại ở những cuộc họp mà còn được duy trì thông qua một ủy ban, Ủy ban này do hội nghị chủ nợ bầu ra để thay mặt hội nghị chủ nợ kiểm tra và thực hiện một số quyền hạn của hội nghị chủ nợ.

Theo pháp luật phá sản Việt Nam, sau khi hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp qua nghị quyết của hội nghị chủ nợ. Sau đó hội nghị chủ nợ được coi là đã hoàn thành nhiệm vụ và không còn tồn tại như một thực thể pháp lý. Tuy nhiên, Luật phá sản lại quy định quyền thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt

động kinh doanh của các chủ nợ và doanh nghiệp. Thỏa thuận về việc sửa đổi bổ sung phương án hoạt động kinh doanh có giá trị pháp lý khi quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm đồng ý.

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Thứ nhất, tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật phá sản

Để pháp luật phá sản và những quy định về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được thực thi có hiệu quả trong thực tiễn thì vấn đề nhận thức pháp luật của xã hội cũng như giới kinh doanh là hết sức quan trọng. Những nhận đúng sẽ có những hành vi, ứng xử đúng, nguyên nhân cơ bản khiến việc thực thi gặp nhiều khó khăn là do những chủ thể có liên quan chưa nhận thức đúng và đầy đủ về phá sản và trình tự phá sản, do công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn chưa được quan tâm đúng mức. Bởi vậy, cần tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Phá sản năm 2014 nói chung và pháp luật về phục hồi doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là những quy định pháp luật về cơ chế quản lý và giám sát quá trình thực hiện phục hồi doanh nghiệp. Việc tuyên truyền có thể được thực hiện thông qua các kênh: đài báo, phát thanh, truyền hình, qua các tổ chức hội nghề nghiệp hay qua các kênh chuyên biệt như mở các lớp bồi dưỡng, hội thảo, tập huấn...

Thứ hai, đối với ngành Tòa án

Thẩm phán là người trực tiếp giải quyết việc phá sản doanh nghiệp, do đó, chất lượng và hiệu quả của việc giải quyết phá sản doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào trình độ chuyên môn của Thẩm phán. Trong quá trình giải quyết phá sản, ngoài những yêu cầu về trình độ pháp lý, người Thẩm phán còn phải có trình độ hiểu biết về nhiều lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực tài chính - kế toán. Tuy nhiên, cho đến nay, trong đội ngũ thẩm phán vẫn chưa có thẩm phán chuyên trách về phá sản mà thường là kiêm nhiệm. Do vậy, trước mắt, cần phải bồi dưỡng, nâng cao trình độ thẩm phán giải quyết phá sản, đáp

ứng những yêu cầu mới đặt ra. Thực tế giải quyết phá sản doanh nghiệp cho thấy còn có tình trạng thẩm phán hiểu không đúng, chưa hiểu rõ các quy định của pháp luật phá sản và các văn bản pháp luật có liên quan dẫn đến việc giải quyết không đúng.

Trong thời gian qua, Toà án nhân dân tối cao đã tổ chức được một số khoá bồi dưỡng nâng cao trình độ của các thẩm phán về giải quyết phá sản đã đem lại những kết quả tích cực. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng còn chưa thường xuyên, số lượng thẩm phán được bồi dưỡng còn hạn chế. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa, Toà án nhân dân tối cao cần thường xuyên, định kỳ tổ chức các hội thảo chuyên đề, khóa đào tạo nhằm bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán, Thư ký tòa án trong việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, kịp thời tổng kết, hướng dẫn các Tòa án địa phương giải quyết những vướng mắc nảy sinh. Điều này đặc biệt quan trọng, vì Luật Phá sản năm 2014 đã mở rộng thẩm quyền giải quyết phá sản cho Tòa án cấp huyện. Trong tương lai, cần hướng tới đào tạo các thẩm phán chuyên trách về phá sản.

Mặt khác, cần ban hành mẫu báo cáo để Toà án có thể thống kê được chi tiết hơn về quy mô của doanh nghiệp phá sản để giúp ngành Toà án có thể thống kê chi tiết những nội dung cụ thể trong quá trình giải quyết phá sản, chẳng hạn những vấn đề: số lượng lao động của doanh nghiệp phá sản, tổng tài sản của doanh nghiệp phá sản tổng số nợ của doanh nghiệp phá sản, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp phá sản, tỷ lệ tài sản trên nợ của doanh nghiệp phá sản chia theo địa phương, theo mô hình, những đánh giá về vai trò của công ty quản lý nợ, những ảnh hưởng về mặt xã hội của phá sản và những vấn đề phát sinh liên quan khác... Trên cơ sở đó, có thể có những số liệu để những và đánh giá về tình trạng phá sản của các doanh nghiệp ở Việt Nam đồng thời công khai số liệu về phá sản trong tệp số liệu thống kê doanh nghiệp hàng năm.

Toà án nhân dân tối cao cũng phải thường xuyên theo dõi quá trình thực thi pháp luật phá sản, đồng thời tổng kết kinh nghiệm và kịp thời hướng dẫn giải quyết những vướng mắc hy sinh trong quá trình giải quyết phá sản cũng như trong việc quản lý và xử lý tài sản phá sản cho các Toà án nhân dân địa phương.

Thứ ba, giải toả yếu tố tâm lý

Phá sản là một trong những biện pháp để thúc đẩy lưu thông vốn, vì vậy, không nên coi phá sản là một thủ tục để chấm dứt hoạt động của một doanh nghiệp mà mục đích quan trọng là tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội tổ chức lại hoạt động kinh doanh. Trường hợp đã áp dụng mọi biện pháp mà doanh nghiệp vẫn không thể khắc phục được thì mới thực hiện việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp để chia cho các chủ nợ. Chỉ khi nào các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ sở hữu hoặc người quản lý doanh nghiệp, các chủ nợ, người lao động trong các doanh nghiệp nhận thức đúng đắn những vấn đề này và sử dụng Luật Phá sản như là một công cụ hữu hiệu để lành mạnh hoá tình hình tài chính doanh nghiệp, cứu vãn doanh nghiệp trong hoàn cảnh khó khăn, phục hồi doanh nghiệp trở lại hoạt động kinh doanh bình thường thì pháp luật phá sản mới thực sự phát huy được tác dụng của nó trong việc cơ cấu lại nền kinh tế.

Kết luận Chương 3

Chương 3 của luận văn nêu lên một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện những quy định của pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trên cơ sở phân tích sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về thủ tục phục hồi. Trên thực tế việc hoàn thiện pháp luật về phục hồi doanh nghiệp phải thực hiện đồng bộ cùng hệ thống pháp luật phá sản cũng như phù hợp với thực tiễn nước ta hiện nay.

KẾT LUẬN

Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, làm tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia; đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của Việt Nam với các đối tác đi vào chiều sâu, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Việc hội nhập ngoài những thuận lợi và cơ hội thì nước ta cũng sẽ phải đương đầu với những khó khăn, bên cạnh các thời cơ là những thách thức dành cho chúng ta, đặc biệt là các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp trong nước không chỉ cạnh tranh với nhau mà còn cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Việt Nam còn quá nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, thiếu kinh nghiệm, liệu có thể cạnh tranh với những doanh nghiệp lớn trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài. Thương trường lúc này khốc liệt hơn bao giờ hết, kẻ mạnh sẽ chiến thắng, kẻ thất bại luôn phải gánh chịu hậu quả, có thể dẫn đến phá sản doanh nghiệp.

Khi một doanh nghiệp bị phá sản sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của con nợ, chủ nợ, người lao động và các doanh nghiệp có liên quan. Chính vì thế phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là một thủ tục quan trọng của pháp luật phá sản nói riêng và của nền kinh tế nói chung. Vì vậy pháp luật cần có những quy định cụ thể về trình tự, thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản để có thể tạo lập cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của chủ nợ, người lao động, doanh nghiệp mắc nợ. Có thể nói, Luật Phá sản 2014 đã chú trọng hơn đến thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh khi quy định rõ ràng hơn các nội dung của hoạt động hội nghị chủ nợ, tăng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh. Những quy định của pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trong Luật phá sản 2014 đã bám sát thực tiễn, bám sát tình hình kinh tế ở nước ta hiện nay hơn.

Nhưng làm cách nào để pháp luật phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trở thành giải pháp đầu tiên mà mỗi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nghĩ tới là trách nhiệm không chỉ của các nhà làm luật và còn là trách nhiệm chung của toàn thể các doanh nghiệp, các nhà kinh tế và toàn xã hội.

Pháp luật hiện tại cần thiết phải xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật khác ngoài luật để hướng dẫn thi hành thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản để không chỉ có doanh nghiệp mà người lao động, các chủ nợ dễ dàng tiếp cận và thực hiện quyền, lợi ích chính đáng của mình. Hơn nữa việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết hướng dẫn thủ tục phục hồi doanh nghiệp còn là cơ sở để tuyên truyền, phổ biến đến mỗi doanh nghiệp và là điểm sáng khi các nhà đầu tư nước ngoài nhìn vào môi trường đầu tư tại Việt Nam trong bối cảnh hiện tại.

Với hy vọng góp một phần nhỏ bé vào công cuộc xây dựng pháp luật, luận văn đã nghiên cứu toàn diện và tổng quan về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2014. Tuy nhiên, điều kiện nghiên cứu còn hạn chế, nhiều vấn đề của luận văn chưa có điều kiện để nghiên cứu sâu hơn. Vì thế, rất mong được sự trao đổi để luận văn tiếp tục được nghiên cứu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2013), Nghị định số 110/2013/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
2. Ngô Cường (2002), *Phương hướng và nội dung cơ bản của luật phá sản*.
3. Phan Thị Thu Hà (2010), *Tìm hiểu pháp luật phá sản trên thế giới*, chuyên đề khoa học xét xử: tìm hiểu pháp luật phá sản – tập 1, Viện Khoa học xét xử.
4. Trần Thị Thu Hà (2010), *Những quy định pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, thực trạng và giải pháp hoàn thiện*. Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Minh Hào (2013), *Phá sản doanh nghiệp, hiểu đúng để đừng sợ*. Truy cập tại địa chỉ <http://www.phasan.vn/tin-tuc/pha-san-doanh-nghiep-hieu-dhung-dhe-dhung-so>.
6. Khuất Thị Thu Hiền (2010), *Phá sản và pháp luật phá sản ở Việt Nam*, Chuyên đề khoa học xét xử, Viện khoa học xét xử Tòa án nhân dân tối cao.
7. Dương Đăng Huệ, Nguyễn Thanh Tịnh và nhóm biên soạn Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế Bộ Tư pháp (2008), *Thực trạng pháp luật về phá sản và việc hoàn thiện môi trường pháp luật kinh doanh tại Việt Nam*. Đề tài khoa học cấp bộ.
8. Bùi Thị Dung Huyền (2010), *Tìm hiểu các quy định của Luật Phá sản năm 2004 về thủ tục phục hồi, thủ tục thanh lý, tuyên bố doanh nghiệp hợp tác xã bị phá sản và một số kiến nghị*, chuyên đề khoa học xét xử, Viện Khoa học xét xử Tòa án nhân dân tối cao.

9. Phạm Thị Thanh Huyền (2014), *Bàn về những điểm mới của Luật phá sản 2014*. Truy cập tại địa chỉ:
http://www.luatsurieng.org/index.php?option=com_content&view=article&id=2676:ban-ve-nhung-diem-moi-cua-luat-pha-san-nam-2014&catid=141:bai-viet&Itemid=190.
10. Nguyễn Thị Hương (2005), *Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật Phá sản 2004*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà nội.
11. Trần Thị Ngọc (2014), *Phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của luật phá sản Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
12. Nhóm ngành XH2b, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2009), *Phục hồi hoạt động của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật của Pháp và những vấn đề đặt ra đối với pháp luật Việt Nam*, Công trình dự thi giải thưởng “sinh viên nghiên cứu khoa học”.
13. Quốc hội (2015), Luật Doanh nghiệp.
14. Quốc hội (2014), Luật Phá sản.
15. Dương Hương Sơn (2013), “*Phục hồi doanh nghiệp phá sản, một mục tiêu lớn trong vấn đề lập pháp đối với pháp luật phá sản hiện đại*”, truy cập tại địa chỉ:
<http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1642>
16. Trần Thị Tâm, Đặng Thu Hà (2013), *Một số ý kiến về thủ tục phá sản của Luật phá sản hiện hành và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Tòa án nhân dân – số 4.
17. Trần Minh Tiến, (2007), *Thủ tục phục hồi doanh nghiệp mắc nợ trong Luật Phá sản Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

18. Tòa án Nhân dân tối cao (2015), Thông tư số 01/2015/TT-CA, Quy định quy chế làm việc của các tổ thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản.
19. Nguyễn Tuyền (2016), *Năm 2016, số doanh nghiệp phá sản tăng 32% so với năm trước*. Truy cập tại địa chỉ:
<http://dantri.com.vn/kinh-doanh/nam-2016-so-doanh-nghiep-pha-san-tang-32-so-voi-nam-truoc-20161224162110302.htm>.
20. La Minh Tường (2012), *Những vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật phá sản*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 15.
21. Trung tâm Nghiên cứu khoa học, Viện Nghiên cứu lập pháp (2013), *Chuyên đề: Pháp luật về thủ tục giải quyết phá sản – thực trạng và kiến nghị*,.
22. Trường đại học Luật Hà Nội (2012), Giáo trình Luật thương mại, tập I, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
23. Trường đại học Luật Hà Nội (2012), Giáo trình Luật thương mại, tập II, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
24. Viện khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2009), *Các giải pháp pháp lý nhằm giải quyết tốt hơn việc phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam*, Đề tài khọc học cấp bộ, Bộ Tư pháp.